SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH LÂM ĐỒNG

05
2026
Tháng 11/2026

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP

BẢN TIN CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

- TIN TỨC - SỰ KIỆN
- HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP
- CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI
- DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT



KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
ĐỘNG LỰC CHÍNH CỦA MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG MỚI

Website
Sở Khoa học
và Công nghệ
Lâm Đồng

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Địa chỉ:** Số 36 Trần Phú, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- **Điện thoại:** 0263.3821377 • **Fax:** 0263.3824941
- **Email:** *skhcn@lamdong.gov.vn*
- **Website:** *https://skhcn.lamdong.gov.vn/*

MỤC LỤC

TIN TỨC - SỰ KIỆN

Triển khai thi hành Luật Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng 01

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

Ngoại giao kinh tế - Cầu nối đưa doanh nghiệp Lâm Đồng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu 05

Tận dụng các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới - Chìa khóa mở rộng thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp và hợp tác xã Lâm Đồng 09

Liên kết doanh nghiệp và hợp tác xã Lâm Đồng trong chuỗi giá trị nông sản toàn cầu: Cơ hội từ chuyển đổi số và kinh tế xanh 13

Cơ hội mới cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong kỷ nguyên số và kinh tế xanh: Từ chất lượng đến thị trường - Nâng tầm giá trị nông sản Lâm Đồng 18

Một số định hướng và giải pháp để đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư 22

Tiêu chuẩn VietGAP năm 2026 - Lộ trình chuẩn hóa các quy định trên con đường nông sản Việt Nam 27

Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch xây dựng sản phẩm gắn với bản sắc địa phương 31

Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO 36

CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

Thiết bị ủ, sấy men vi sinh ứng dụng công nghệ năng lượng xanh 38

Trà, mứt đông và mật cascara - Giải pháp gia tăng giá trị từ vỏ và thịt quả cà phê 40

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

Mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc - Chìa khóa nâng cao giá trị và năng lực cạnh tranh của sản phẩm 42

Quy định về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa 44

TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG



Nhằm bảo đảm Luật Thương mại điện tử được triển khai đồng bộ, thống nhất và hiệu quả ngay từ khi có hiệu lực thi hành, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Kế hoạch số 9721/KH-UBND triển khai thi hành Luật Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh nhằm cụ thể hóa Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 29/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thương mại điện tử.

Luật Thương mại điện tử sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, đánh dấu bước hoàn thiện quan trọng trong hành lang pháp lý điều chỉnh các hoạt động thương mại trên môi trường số.

Việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật tại địa phương thể hiện quyết tâm của tỉnh Lâm Đồng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại điện tử; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân tiếp cận, thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

BẢO ĐẢM TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ, THỐNG NHẤT VÀ HIỆU QUẢ

Kế hoạch được xây dựng nhằm xác định cụ thể nội dung công việc, thời gian thực hiện, tiến độ hoàn thành cũng như trách nhiệm của các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương

và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thi hành Luật Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

Thông qua Kế hoạch, tỉnh hướng đến việc thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong triển khai các nhiệm vụ liên quan đến thương mại điện tử; đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về thương mại điện tử.

UBND tỉnh yêu cầu quá trình triển khai phải bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị; các nhiệm vụ được giao phải gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan chủ trì và phối hợp. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện cần được tiến hành thường xuyên nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành Luật.

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong Kế hoạch là tổ chức phổ biến, giáo dục Luật Thương mại điện tử và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Theo đó, các hoạt động tuyên truyền sẽ được triển khai bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương và từng nhóm đối tượng.

Nội dung tuyên truyền được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, Báo và Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở, các hội nghị, hội thảo, tọa đàm và các hoạt động tìm hiểu pháp luật về thương mại điện tử.

Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Sở Công Thương được giao chủ trì triển khai nhiệm vụ này. Các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện. Công tác tuyên truyền sẽ được triển khai từ tháng 6/2026 và tiếp tục duy trì trong các năm tiếp theo.

Việc tăng cường phổ biến pháp luật được kỳ vọng sẽ giúp các tổ chức, cá nhân hoạt động trên môi trường số hiểu rõ hơn quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình; góp phần xây dựng môi trường thương mại điện tử minh bạch, lành mạnh và phát triển bền vững.

RÀ SOÁT, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Để bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật, Kế hoạch cũng đặt ra nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực thương mại điện tử.

Theo đó, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tiến hành rà soát các văn bản thuộc thẩm quyền quản lý có liên quan đến Luật Thương mại điện tử. Trên cơ sở đó, các cơ quan chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật.

Sở Công Thương được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ này, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan.

Việc rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật là bước chuẩn bị quan trọng nhằm tạo sự đồng bộ trong quá trình tổ chức thi

hành Luật, hạn chế tình trạng chồng chéo hoặc phát sinh vướng mắc trong thực tiễn triển khai.

TÍCH CỰC THAM GIA XÂY DỰNG CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT

Bên cạnh việc rà soát hệ thống văn bản hiện hành, tỉnh Lâm Đồng cũng sẽ chủ động tham gia đóng góp ý kiến đối với các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thương mại điện tử do các cơ quan chủ trì xây dựng.



Sở Công Thương là đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan nghiên cứu, tham gia góp ý khi có yêu cầu từ cơ quan soạn thảo.

Thông qua hoạt động này, tỉnh sẽ kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh từ thực tiễn địa phương, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách và bảo đảm tính khả thi của các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

TĂNG CƯỜNG TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC CHO CÁN BỘ VÀ NGƯỜI DÂN

Nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước và năng lực thực thi pháp luật về thương mại điện tử, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn về Luật Thương mại điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng là nội dung được đề cập trong Kế hoạch.

Theo đó, các chương trình tập huấn sẽ tập trung vào đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước, cán bộ trực tiếp tham mưu hoặc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến thương mại điện tử. Đồng thời, hoạt động bồi dưỡng kiến thức cũng hướng đến doanh nghiệp, tổ chức và người dân nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng tham gia môi trường kinh doanh số.

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, các sở, ngành và địa phương triển khai từ tháng 6/2026 và trong các năm tiếp theo.

Thông qua các hoạt động tập huấn, sẽ tạo sự thống nhất về nhận thức, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và thực thi pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử.

PHÂN CÔNG RÕ TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Để bảo đảm Kế hoạch được triển khai hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị.

Trong đó, Sở Công Thương là cơ quan đầu mối chủ trì triển khai Kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; đồng thời, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Công Thương và UBND tỉnh. Sở cũng có trách nhiệm tham mưu ban hành kịp thời các văn bản thuộc thẩm quyền để tổ chức thi hành Luật và các văn bản hướng dẫn.

Sở Tài chính được giao tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và đúng quy định của pháp luật.

Sở Tư pháp phối hợp với Sở Công Thương trong công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời, tham mưu triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức các chương trình tập huấn chuyên sâu liên quan đến Luật Thương mại điện tử cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu quản lý nhà nước trong các lĩnh vực giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền về Luật Thương mại điện tử và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế tỉnh Lâm Đồng được giao phối hợp với Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh cùng các cơ quan báo chí trên địa bàn để tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật đến người nộp thuế, góp phần nâng cao ý thức chấp hành nghĩa vụ kê khai, nộp thuế trong hoạt động thương mại điện tử.

Đối với chính quyền địa phương, UBND các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản hướng dẫn bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở.

Bên cạnh đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh cùng các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh sẽ phối hợp tuyên truyền sâu rộng đến đoàn viên, hội viên và Nhân dân; đồng thời, tăng cường giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực thi pháp luật về thương mại điện tử, góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên môi trường mạng.

TẠO NỀN TẢNG CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Việc triển khai thi hành Luật Thương mại điện tử có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội.

Đây không chỉ là cơ sở pháp lý để quản lý hiệu quả các hoạt động thương mại trên môi trường số mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Thông qua Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thương mại điện tử, tỉnh Lâm Đồng đặt mục tiêu bảo đảm các quy định của Luật nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo môi trường kinh doanh trực tuyến minh bạch, an toàn và thuận lợi; đồng thời, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, phù hợp với xu thế chuyển đổi số quốc gia và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn mới.■

NGOẠI GIAO KINH TẾ
CẦU NỐI ĐƯA DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG THAM GIA SÂU VÀO CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU

NGUYỄN THỊ DUY THANH, PHÙNG THỊ QUỲNH TRÂM
Sở Ngoại vụ tỉnh Lâm Đồng



Lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng chụp ảnh lưu niệm với đoàn công tác của Trung Quốc đến tìm hiểu cơ hội đầu tư tại Lâm Đồng

Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, giá trị của một sản phẩm không chỉ được quyết định bởi chất lượng hay sản lượng, mà còn phụ thuộc vào khả năng tiếp cận thị trường, ứng dụng công nghệ, xây dựng thương hiệu và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Với lợi thế về nông nghiệp, công nghiệp chế biến và du lịch, Lâm Đồng đang có nhiều cơ hội mở rộng thị trường, nâng cao giá trị sản phẩm và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Trong tiến trình đó, ngoại giao kinh tế ngày càng khẳng định vai trò cầu nối, góp phần mở rộng quan hệ hợp tác, thu hút nguồn lực, thúc đẩy chuyển giao khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp địa phương.

MỞ RỘNG CÁNH CỬA THỊ TRƯỜNG TỪ NHỮNG KẾT NỐI QUỐC TẾ

Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, một sản phẩm có chất lượng tốt là chưa đủ để chinh phục thị trường quốc tế, để thâm nhập và đứng vững trên thị trường này, doanh nghiệp cần phải nắm bắt nhu cầu thị trường, đáp ứng các tiêu chuẩn nhập

khẩu và xây dựng mạng lưới đối tác tin cậy. Với vai trò cầu nối giữa địa phương và các đối tác quốc tế, ngoại giao kinh tế góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường, quảng bá tiềm năng, thu hút đầu tư và cung cấp thông tin thiết thực, hỗ trợ doanh nghiệp chủ động nắm bắt cơ hội hợp tác và phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thời gian qua, tỉnh Lâm Đồng đã tăng cường các hoạt động đối ngoại gắn với mục tiêu phát triển kinh tế, từ kết nối đối tác nước ngoài, quảng bá lợi thế địa phương đến tìm kiếm cơ hội hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Thông qua các cuộc gặp gỡ, chương trình xúc tiến và hoạt động trao đổi chuyên môn, tỉnh từng bước mở rộng mạng lưới hợp tác, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận thị trường, công nghệ và nguồn lực quốc tế. Những kết nối này không chỉ góp phần giới thiệu sản phẩm, tiềm năng và môi trường đầu tư của tỉnh, mà còn mở ra cơ hội tìm kiếm nhà nhập khẩu, đối tác phân phối, nhà đầu tư và các mô hình hợp tác phù hợp với nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, ĐƯA SẢN PHẨM LÂM ĐỒNG ĐẾN GẦN HƠN VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG QUỐC TẾ

Nông sản, sản phẩm chế biến là những nhóm hàng có nhiều tiềm năng xuất khẩu của tỉnh, với các mặt hàng đặc trưng như cà phê, hạt điều, rau, củ, quả, thủy sản, hồ tiêu, hoa, chè. Theo số liệu, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản tăng từ 1.062,33 triệu USD năm 2023 lên 1.192,60 triệu USD năm 2024 và đạt 1.479,30 triệu USD năm 2025.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, kim ngạch đạt 1.296,60 triệu USD, bằng 79,83% kế hoạch năm. Hàng hóa nông, lâm, thủy sản của tỉnh đã có mặt tại 56 quốc gia và vùng lãnh thổ; trong đó, có các thị trường thuộc những hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA).

Những con số này cho thấy dư địa phát triển thị trường của sản phẩm địa phương, đồng thời đặt ra yêu cầu nâng cao hơn nữa chất lượng và khả năng đáp ứng các quy định của thị trường nhập khẩu. Để hàng hóa đứng vững ở thị trường nước ngoài, hoạt động xúc tiến không thể chỉ dừng ở quảng bá sản phẩm mà cần tạo điều kiện để doanh nghiệp gặp gỡ nhà mua hàng, tìm kiếm kênh phân phối và từng bước xây dựng quan hệ thương mại lâu dài.

Trong giai đoạn 2025-2026, tỉnh đã phổ biến thông tin 37 chương trình hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước đến các doanh nghiệp trong tỉnh; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia hội chợ chuyên ngành, hội nghị giao thương và kết nối tiêu thụ sản phẩm; tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại Campuchia; tham gia Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam - VITM Hà Nội 2026; phối hợp đón 06 đoàn khảo sát sản phẩm du lịch quốc tế và triển khai các đề án xúc tiến thương mại cấp quốc gia, địa phương.

Những hoạt động này tạo thêm cơ hội để sản phẩm địa phương tiếp cận đối tác, mở rộng kênh tiêu thụ và tìm kiếm thị trường mới. Tuy nhiên, từ kết nối ban đầu đến đơn hàng thực tế đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng của doanh nghiệp. Chất lượng ổn định, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, bao bì phù hợp và khả năng giao hàng đúng hạn là những yếu tố quan trọng quyết định khả năng duy trì quan

hệ với nhà mua hàng. Do đó, xúc tiến thương mại chỉ phát huy hiệu quả bền vững khi đi đôi với năng lực cung ứng và cam kết chất lượng của doanh nghiệp.

THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ - MỞ RỘNG CƠ HỘI TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Hiện nay, thương mại điện tử đang tạo thêm những cơ hội mới để doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm người mua và phát triển hoạt động kinh doanh. Đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và cơ sở sản xuất tại Lâm Đồng, các nền tảng số giúp mở rộng phạm vi tiếp cận khách hàng, giảm bớt sự phụ thuộc vào kênh phân phối truyền thống và tiết kiệm chi phí xúc tiến thương mại.

Hằng năm, tỉnh tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và khai thác các nền tảng số phục vụ quảng bá, kinh doanh như Alibaba, TikTok Shop. Việc kết nối với Thương vụ Việt Nam tại các nước và khai thác kênh thông tin chính thống cũng góp phần cung cấp thông tin về thị trường, chính sách thương mại, cam kết quốc tế và yêu cầu kỹ thuật. Đây là những nguồn thông tin cần thiết để doanh nghiệp lựa chọn hướng tiếp cận phù hợp.

Tuy nhiên, hiện diện trên nền tảng số mới chỉ là bước khởi đầu. Muốn biến lượt tiếp cận thành giao dịch, doanh nghiệp cần đầu tư hình ảnh, thông tin sản phẩm, bao bì và nội dung giới thiệu rõ ràng; đồng thời bảo đảm khả năng phản hồi khách hàng, xử lý đơn hàng, thanh toán và giao nhận. Với hoạt động xuất khẩu, việc tìm hiểu quy định nhập khẩu, tiêu chuẩn sản phẩm và phương thức tiếp cận nhà mua hàng càng quan trọng. Vì vậy, cần tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin thị trường, tìm kiếm đối tác và nắm bắt yêu cầu về tiêu chuẩn, chứng nhận, logistics tại các thị trường mục tiêu. Qua đó, doanh nghiệp có thể lựa chọn hướng tiếp cận phù hợp, tận dụng hiệu quả các nền tảng thương mại điện tử, từng bước chuyển cơ hội tiếp cận khách hàng thành đơn hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ XANH: ĐIỀU KIỆN ĐỂ NÂNG TẦM GIÁ TRỊ SẢN PHẨM

Mở rộng thị trường mới chỉ là bước khởi đầu, để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, doanh nghiệp cần nâng cao giá trị tạo ra ở từng công đoạn, từ sản xuất, bảo quản đến chế biến và phân phối. Trong bối cảnh nhiều thị trường ngày càng chú trọng chất lượng, khả năng truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm môi trường, đổi mới công nghệ không còn đơn thuần là lựa chọn nhằm tăng năng suất, mà còn là điều kiện để duy trì khả năng cạnh tranh.

Với thế mạnh về nông nghiệp và các sản phẩm đặc trưng, Lâm Đồng có cơ sở thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số. Một số hoạt động tiêu biểu gồm hợp tác nghiên cứu khoa học với Tổ chức Nghiên cứu khoa học và công nghiệp Khối Thịnh vượng chung Australia (CSIRO); hợp tác về trồng trọt, công nghệ sau thu hoạch với thành phố Westland, Hà Lan; trao đổi về phát triển đô thị thông minh, đô thị xanh với thành phố Chuncheon, Hàn Quốc. Những kết nối này mở ra cơ hội trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận giải pháp kỹ thuật và nghiên cứu khả năng ứng dụng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Song song với hợp tác công nghệ, việc nâng cao tiêu chuẩn chất lượng và xây dựng thương hiệu cũng là yêu cầu quan trọng. Từ năm 2022

đến nay, tỉnh đã cập nhật, phổ biến hơn 1.113 tin cảnh báo về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và hỗ trợ hơn 58 doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý tiên tiến. Tỉnh cũng đã xác lập quyền đối với 96 nhãn hiệu cộng đồng, gồm 37 nhãn hiệu chứng nhận, 54 nhãn hiệu tập thể và 5 chỉ dẫn địa lý. Đây là cơ sở để các chủ thể sản xuất chú trọng hơn đến chất lượng, nguồn gốc và giá trị nhận diện của sản phẩm.

Khi các yêu cầu về phát triển xanh ngày càng được coi trọng, doanh nghiệp không chỉ cần sản xuất tốt mà còn phải sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm hao hụt, kiểm soát tác động môi trường và minh bạch thông tin sản phẩm. Việc kết nối với các đối tác khoa học và công nghệ, tiếp cận kinh nghiệm quản lý và lựa chọn giải pháp phù hợp sẽ giúp doanh nghiệp từng bước cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường quốc tế. Qua đó, ngoại giao kinh tế tiếp tục gắn kết chặt chẽ với mục tiêu nâng cao giá trị sản phẩm thay vì chỉ dừng ở việc mở rộng quan hệ hợp tác.

THU HÚT ĐẦU TƯ, TĂNG LIÊN KẾT ĐỂ GIA TĂNG GIÁ TRỊ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

Bên cạnh xúc tiến thương mại và hợp tác công nghệ, thu hút đầu tư nước ngoài là một kênh quan trọng để bổ sung nguồn lực cho phát triển kinh tế địa phương. Các dự án phù hợp có thể giúp doanh nghiệp tiếp cận vốn, công nghệ, phương thức quản trị và mạng lưới phân phối quốc tế. Với Lâm Đồng, những lĩnh vực như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, du lịch chất lượng cao, năng lượng tái tạo và kinh tế số là những hướng có thể tiếp tục thúc đẩy hợp tác trên cơ sở lợi thế và nhu cầu phát triển của tỉnh.

Tuy nhiên, hiệu quả thu hút đầu tư không chỉ được đo bằng quy mô vốn đăng ký. Khả năng chuyển giao công nghệ, tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực và liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh mới là những yếu tố góp phần tạo ra giá trị lâu dài. Khi doanh nghiệp địa phương có cơ hội tham gia mạng lưới cung ứng của các dự án đầu tư, sản phẩm và dịch vụ trong tỉnh sẽ có thêm điều kiện tiếp cận thị trường, nâng cao tiêu chuẩn và mở rộng quy mô sản xuất. Cùng với đó, cần tăng cường liên kết giữa người sản xuất, cơ sở sơ chế, đơn vị chế biến, doanh nghiệp xuất khẩu và nhà phân phối. Một sản phẩm có tiềm năng sẽ khó phát triển bền vững nếu nguồn cung thiếu ổn định, chất lượng không đồng đều hoặc các khâu trong chuỗi chưa được phối hợp chặt chẽ. Vì vậy, kết nối đầu tư và xúc tiến thương mại cần hướng đến việc hình thành những mối liên kết thực chất, trong đó doanh nghiệp địa phương không chỉ cung cấp nguyên liệu mà từng bước tham gia sâu hơn vào các công đoạn tạo ra giá trị.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, ngoại giao kinh tế đang mở ra những không gian hợp tác mới, kết nối tiềm năng và lợi thế của Lâm Đồng với thị trường, tri thức, công nghệ và nguồn lực toàn cầu. Để những cơ hội đó thực sự trở thành động lực phát triển, cần tiếp tục tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý, tổ chức xúc tiến và cộng đồng doanh nghiệp, đồng thời chú trọng chuyển hóa các kết nối quốc tế thành những dự án, quan hệ hợp tác và giá trị kinh tế cụ thể. Khi ngoại giao kinh tế đồng hành cùng đổi mới sáng tạo, chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, sản phẩm Lâm Đồng sẽ có thêm nền tảng để khẳng định thương hiệu, gia tăng giá trị và từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

TẬN DỤNG CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO THẾ HỆ MỚI CHÌA KHÓA MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU CHO DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ LÂM ĐỒNG

NGUYỄN THỊ LY LY - Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng



Các FTA thế hệ mới mở ra không gian thị trường rộng lớn cho hàng hóa của tỉnh Lâm Đồng

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy thương mại, đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Các hiệp định như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) mở ra những khuôn khổ pháp lý thuận lợi, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng và giá trị toàn cầu.

Đối với tỉnh Lâm Đồng - địa phương có nhiều lợi thế về nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu, công nghiệp chế biến và tiểu thủ công nghiệp, việc khai thác hiệu quả các FTA thế hệ mới là đòn bẩy chiến lược để đưa hàng hóa

vươn xa hơn trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, để biến những cam kết cắt giảm thuế quan thành giá trị gia tăng thực tế, doanh nghiệp và hợp tác xã Lâm Đồng cần nhận thức rõ bản chất, tác động và phương thức khai thác hiệu quả các cơ hội từ những FTA này. Qua đó, chủ động đổi mới sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và nâng cao năng lực tiếp cận thị trường.

BẢN CHẤT, TÁC ĐỘNG CỐT LÕI CỦA CÁC FTA THẾ HỆ MỚI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU

Khác với các FTA truyền thống chủ yếu tập trung vào cắt giảm thuế nhập khẩu hàng hóa, các FTA thế hệ mới có phạm vi cam kết rộng hơn, bao gồm quy tắc xuất xứ, dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, lao động, môi trường, cạnh tranh và thương mại điện tử. Đối với tỉnh Lâm Đồng, các hiệp định này tác động trực tiếp trên ba phương diện cốt lõi:

Thứ nhất, cắt giảm hàng rào thuế quan, tạo lợi thế cạnh tranh về giá. Tác động trực tiếp và dễ nhận thấy nhất của các FTA thế hệ mới là lộ trình cắt giảm thuế quan sâu rộng. Theo cam kết trong EVFTA và CPTPP, nhiều dòng thuế đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, trong đó có nông sản tươi, rau, hoa, quả, cà phê đặc sản, trà và các sản phẩm chế biến sâu của Lâm Đồng, được cắt giảm theo lộ trình, tiến tới mức 0%. Điều này góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh về giá của hàng hóa Lâm Đồng khi tiếp cận các thị trường như EU, Nhật Bản, Úc, Canada và Singapore.

Thứ hai, mở rộng không gian thị trường và đa dạng hóa chuỗi cung ứng. Các FTA thế hệ mới kết nối kinh tế Lâm Đồng với nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới. Nhờ đó, doanh nghiệp và hợp tác xã có thêm cơ hội đa dạng hóa thị trường, giảm sự phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống, hạn chế rủi ro trước những biến động kinh tế, dịch bệnh hoặc rào cản thương



mại tại từng quốc gia. Đồng thời, quá trình tìm kiếm đối tác tại các thị trường thành viên thúc đẩy doanh nghiệp cải thiện hoạt động nghiên cứu thị trường, xây dựng mạng lưới phân phối và phát triển sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Thứ ba, tạo động lực đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và năng lực quản trị. Để tham gia hiệu quả vào chuỗi cung ứng quốc tế, doanh nghiệp phải quan tâm đến chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc và các yêu cầu về môi trường, lao động theo quy định của thị trường nhập khẩu. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp và hợp tác xã Lâm Đồng chuyển đổi tư duy sản xuất từ "bán cái mình có" sang "bán cái thị trường cần", đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản trị, minh bạch hóa quy trình sản xuất, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm địa phương.

THỰC TRẠNG VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ LÂM ĐỒNG

Bên cạnh những cơ hội từ các FTA thế hệ mới, việc khai thác hiệu quả các cam kết thương mại vẫn đặt ra nhiều yêu cầu đối với doanh nghiệp và hợp tác xã tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt trong các ngành hàng nông sản và sản phẩm chế biến.

Việc tận dụng FTA đòi hỏi doanh nghiệp thường xuyên cập nhật quy định về thuế quan, quy tắc xuất xứ, thủ tục chứng nhận xuất xứ và tiêu chuẩn của từng thị trường. Đối với những doanh nghiệp, hợp tác xã chưa có bộ phận chuyên trách về xuất nhập khẩu, việc tiếp cận và vận dụng các quy định này có thể gặp khó khăn. Nếu thiếu thông tin hoặc chuẩn bị hồ sơ chưa đầy đủ, hàng hóa có thể không đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi, làm tăng chi phí và ảnh hưởng đến tiến độ giao dịch.

Quy tắc xuất xứ cũng là vấn đề cần được quan tâm. Đây là điều kiện quan trọng để xác định hàng hóa có đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế quan theo từng FTA hay không. Trong khi đó, nguồn nguyên liệu của một số ngành hàng có thể được thu mua từ nhiều cơ sở, vùng sản xuất khác nhau; do đó, việc lưu trữ hồ sơ, kiểm soát quá trình thu mua và chứng minh nguồn gốc cần được thực hiện chặt chẽ. Nếu thiếu sự liên kết giữa người sản xuất, hợp tác xã, cơ sở chế biến và doanh nghiệp xuất khẩu, việc bảo đảm tính đồng bộ của nguyên liệu và hồ sơ xuất xứ sẽ gặp nhiều trở ngại.

Áp lực đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và yêu cầu phát triển bền vững cũng ngày càng rõ nét. Nhiều thị trường nhập khẩu chú trọng an toàn thực phẩm, kiểm dịch, dư lượng hóa chất, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm môi trường. Doanh nghiệp cần đầu tư cải tiến quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng từ vùng nguyên liệu, hoàn thiện bao bì và xây dựng hệ thống quản lý phù hợp. Các khoản chi phí liên quan đến kiểm nghiệm, chứng nhận, bảo quản và hoàn thiện hồ sơ có thể tạo áp lực đối với cơ sở sản xuất quy mô nhỏ. Nếu không đáp ứng yêu cầu, sản phẩm có thể gặp khó khăn khi tiếp cận hệ thống phân phối hoặc khách hàng có tiêu chuẩn cao.

Bên cạnh đó, năng lực ứng dụng công nghệ số, xúc tiến thương mại và tổ chức logistics cần tiếp tục được nâng cao. Khả năng tiếp cận nhà nhập khẩu không chỉ phụ thuộc vào chất lượng sản phẩm mà còn đòi hỏi thông tin thị trường, phương thức quảng bá phù hợp và khả năng duy trì giao dịch chuyên nghiệp. Doanh nghiệp, hợp tác xã cần tăng cường sử dụng nền tảng số, xây dựng hồ sơ giới thiệu

sản phẩm bằng ngoại ngữ, cập nhật thông tin trên các kênh trực tuyến và ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, chi phí vận chuyển, bảo quản và giao nhận, đặc biệt đối với nông sản tươi, cũng ảnh hưởng đến giá thành và khả năng cạnh tranh. Những hạn chế này cho thấy cần có sự phối hợp giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ quan hỗ trợ để nâng cao năng lực khai thác thị trường.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC KHAI THÁC HIỆU QUẢ CÁC FTA THẾ HỆ MỚI

Để biến cơ hội từ các FTA thành kết quả xuất khẩu thực chất, cần triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó doanh nghiệp và hợp tác xã giữ vai trò chủ động, còn cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng cung cấp thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ kết nối thị trường.

Một là, tăng cường thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp. Cơ quan quản lý nhà nước cần đẩy mạnh phổ biến các cam kết FTA, quy tắc xuất xứ, thuế quan và tiêu chuẩn thị trường theo từng nhóm hàng, giúp doanh nghiệp chủ động lựa chọn thị trường và hoàn thiện hồ sơ xuất khẩu.

Hai là, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm. Doanh nghiệp, hợp tác xã cần xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, áp dụng quy trình sản xuất phù hợp, kiểm soát chất lượng và tăng cường liên kết với người sản xuất. Đối với các mặt hàng có lợi thế của Lâm Đồng như cà phê, chè, rau, hoa, trái cây và nông sản chế biến, cần chú trọng phát triển sản phẩm có chất lượng đồng đều, bao bì phù hợp, thông tin rõ ràng và khả năng đáp ứng yêu cầu riêng của từng thị trường. Đồng thời, khuyến khích đầu tư chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và xây dựng thương hiệu nhằm nâng cao giá trị thay vì chỉ cạnh tranh bằng giá bán nguyên liệu.

Ba là, đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại. Kết hợp hội chợ, hội nghị kết nối giao thương với quảng bá trên website, sàn thương mại điện tử và mạng xã hội; chủ động tìm kiếm nhà nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường và duy trì kết nối với đối tác.

Bốn là, thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị. Tăng cường phối hợp giữa hợp tác xã, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp chế biến và doanh nghiệp xuất khẩu nhằm bảo đảm nguồn cung ổn định, chất lượng đồng đều và khả năng truy xuất nguồn gốc.

Năm là, đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển xanh. Doanh nghiệp cần từng bước ứng dụng công nghệ vào quản lý vùng nguyên liệu, kiểm soát chất lượng, lưu trữ hồ sơ và truy xuất nguồn gốc. Các công cụ số cũng có thể hỗ trợ tìm kiếm khách hàng, giới thiệu sản phẩm và duy trì kết nối với đối tác nước ngoài. Song song với đó, cần sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, giảm chất thải và chủ động tìm hiểu các yêu cầu môi trường của thị trường mục tiêu. Việc triển khai cần phù hợp với quy mô và khả năng tài chính của từng đơn vị, ưu tiên các giải pháp thiết thực, có thể duy trì lâu dài và mang lại hiệu quả rõ ràng.

***

Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mở ra không gian phát triển rộng lớn cho cộng đồng doanh nghiệp và hợp tác xã tỉnh Lâm Đồng. Trong bối cảnh chuyển đổi số và kinh tế xanh ngày càng trở thành xu thế quan trọng, việc chủ động nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, chuẩn hóa quy trình sản xuất và kinh doanh sẽ giúp hàng hóa Lâm Đồng nâng cao vị thế trên thị trường quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

LIÊN KẾT DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC XÃ LÂM ĐỒNG TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN TOÀN CẦU: CƠ HỘI TỪ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ KINH TẾ XANH

ThS. HOÀNG THỊ NHƯ QUỲNH - Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng



Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, liên kết doanh nghiệp và hợp tác xã (HTX) có vai trò quan trọng trong tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng và giá trị nông sản. Sau sáp nhập, Lâm Đồng có nhiều lợi thế phát triển chuỗi giá trị nông sản, song vẫn cần củng cố liên kết, nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi số và đáp ứng tiêu chuẩn xanh. Bài viết tập trung phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường liên kết doanh nghiệp - HTX, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản địa phương trên thị trường toàn cầu.

Sau sáp nhập, Lâm Đồng có diện tích tự nhiên hơn 24.000 km², trên 1 triệu ha đất sản xuất nông nghiệp. Sản lượng cà phê hằng năm đạt trên 1 triệu tấn, rau khoảng 3,5 triệu tấn và hoa khoảng 4,6 tỷ cành. Nông sản địa phương đã tiếp cận nhiều thị trường như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia.

Tuy nhiên, sản xuất phân tán, chất lượng chưa đồng đều, hạn chế về truy xuất nguồn gốc và tổ chức tiêu thụ vẫn là những rào cản trong tiếp cận thị trường. Vì vậy, tăng cường liên kết doanh nghiệp - HTX, gắn với chuyển đổi số và kinh tế xanh, là yêu cầu cần thiết để phát triển chuỗi giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản Lâm Đồng.

CƠ HỘI PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT DOANH NGHIỆP VÀ HTX TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN TOÀN CẦU

Không gian phát triển mới tạo điều kiện hình thành các vùng nguyên liệu và chuỗi cung ứng quy mô lớn

Sự đa dạng về điều kiện tự nhiên, sản phẩm nông nghiệp cùng lợi thế kết nối giữa khu vực cao nguyên và duyên hải mở ra khả năng tổ chức chuỗi liên kết từ sản xuất, sơ chế, chế biến đến tiêu thụ. Đây là điều kiện để doanh nghiệp chủ động nguồn nguyên liệu; HTX tập hợp nông dân, tổ chức sản xuất theo quy trình thống nhất, đáp ứng yêu cầu thị trường.

Chuyển đổi số tạo công cụ nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị chuỗi

Dữ liệu về vùng trồng, quy trình canh tác, vật tư đầu vào, sản lượng, thời gian thu hoạch và chất lượng sản phẩm có thể được số hóa, cập nhật và chia sẻ giữa các chủ thể. Việc ứng dụng nhật ký sản xuất điện tử, mã QR và hệ thống truy xuất nguồn gốc giúp doanh nghiệp kiểm soát nguồn cung, HTX giám sát quy trình canh tác, đồng thời tạo niềm tin cho nhà phân phối và người tiêu dùng. Năm 2026, tỉnh đã triển khai các nhiệm vụ xây dựng, chuẩn hóa và kết nối dữ liệu truy xuất nguồn gốc nông sản, trước mắt ưu tiên một số sản phẩm chủ lực và sản phẩm xuất khẩu.

Xu hướng tiêu dùng xanh và yêu cầu về môi trường tạo động lực đổi mới phương thức sản xuất

Thị trường ngày càng quan tâm đến an toàn thực phẩm, dư lượng hóa chất, sử dụng nước tiết kiệm, quản lý chất thải, phát thải khí nhà kính và trách nhiệm xã hội. Do đó, liên kết doanh nghiệp - HTX không chỉ nhằm bảo đảm đầu ra mà còn phải thúc đẩy sản xuất có trách nhiệm, sử dụng tài nguyên hiệu quả, phát triển kinh tế tuần hoàn và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chính sách phát triển vùng nguyên liệu tập trung tạo cơ sở tổ chức lại sản xuất

Ngày 13/10/2026, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Kế hoạch số 17475/KH-UBND triển khai Đề án phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản tập trung giai đoạn 2026-2030. Kế hoạch đặt mục tiêu đến năm 2030 rà soát, xây dựng và hoàn thiện khoảng 4.748 ha vùng nguyên liệu tập trung, trong đó vùng cà phê chất lượng cao và cà phê đặc sản khoảng 2.000-2.200 ha; vùng cây ăn quả chủ lực khoảng 1.000-1.200 ha; vùng chè chất lượng cao khoảng 400-500 ha; vùng rau an toàn, rau chế biến công nghệ cao khoảng 450-500 ha. Đây là cơ sở để doanh nghiệp và HTX chủ động xây dựng phương án liên kết phù hợp trong thời gian tới.

THỰC TRẠNG LIÊN KẾT DOANH NGHIỆP VÀ HTX TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN TẠI LÂM ĐỒNG

Những kết quả đạt được

Quy mô kinh tế hợp tác và các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ tiếp tục được mở rộng.

Tỉnh có 874 HTX nông nghiệp, 8 liên hiệp HTX nông nghiệp với 45 HTX thành viên, 1.290 tổ hợp tác và 1.410 trang trại đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Toàn tỉnh có 428 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản với 47.590 hộ tham gia; diện tích liên kết trong trồng trọt đạt khoảng 85.000 ha, sản lượng khoảng 920.000 tấn/năm. Trong chăn nuôi, tổng đàn vật nuôi đạt khoảng 2,23 triệu con, sản lượng khoảng 210.000 tấn/năm.

Những con số này cho thấy liên kết sản xuất và tiêu thụ đã trở thành phương thức tổ chức quan trọng của nông nghiệp Lâm Đồng. HTX

có vai trò tập hợp hộ sản xuất, phối hợp thực hiện quy trình kỹ thuật và tạo nguồn cung tập trung; doanh nghiệp tham gia cung ứng đầu vào, hướng dẫn tiêu chuẩn, thu mua, sơ chế, chế biến và phân phối. Khi các khâu được phối hợp hiệu quả, chi phí giao dịch giảm, chất lượng sản phẩm được kiểm soát tốt hơn và khả năng đáp ứng đơn hàng lớn được nâng lên.

Tiềm năng sản xuất hàng hóa và khả năng tiếp cận thị trường quốc tế tạo điều kiện phát triển chuỗi giá trị.

Tại Hội nghị xúc tiến thương mại nông sản năm 2026, tỉnh ghi nhận có hơn 1.200 mã số vùng trồng và trên 300 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu. Các ngành hàng chủ lực như cà phê, rau, hoa có sản lượng lớn, tạo cơ sở phát triển hoạt động chế biến, bảo quản và xuất khẩu. Đây là lợi thế để doanh nghiệp xây dựng nguồn nguyên liệu ổn định, còn HTX tổ chức sản xuất đáp ứng yêu cầu về sản lượng, chất lượng và thời gian giao hàng.

Khoa học, công nghệ và sở hữu trí tuệ từng bước được chú trọng trong phát triển kinh tế hợp tác.

Toàn tỉnh có trên 54 nhãn hiệu tập thể do các hội, HTX và tổ hợp tác quản lý. Trong năm 2026, tỉnh hỗ trợ 15 doanh nghiệp và HTX thực hiện thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Đồng thời, 8 HTX được hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, trong đó có 6 HTX đạt chứng nhận VietGAP, 1 HTX đạt ISO 22000:2015 và 1 HTX đạt HACCP. Những hoạt động này góp phần nâng cao nhận thức về chất lượng, thương hiệu và tiêu chuẩn sản xuất, tạo nền tảng để HTX tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị.

Định hướng phát triển vùng nguyên liệu đã xác định rõ hơn vai trò của doanh nghiệp và HTX.

Kế hoạch số 17475/KH-UBND ngày 13/10/2026 của UBND tỉnh xác định HTX, tổ hợp tác là đầu mối tổ chức sản xuất; doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt thị trường và liên kết tiêu thụ. Kế hoạch đặt mục tiêu phấn đấu có 60-70% sản lượng nông sản được tiêu thụ thông qua hợp đồng liên kết chuỗi giá trị; gắn phát triển vùng nguyên liệu với bản đồ số, nhật ký sản xuất điện tử, truy xuất nguồn gốc và các giải pháp canh tác bền vững. Đây là định hướng thiết thực nhằm chuyển quan hệ mua bán ngắn hạn thành hợp tác dựa trên tiêu chuẩn, dữ liệu và trách nhiệm dài hạn.

Một số hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, liên kết doanh nghiệp - HTX trong chuỗi giá trị nông sản tại Lâm Đồng vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục giải quyết.

Một là, số lượng chuỗi liên kết lớn chưa đồng nghĩa với việc tất cả các chuỗi đều có chất lượng và tính bền vững cao. Hiệu quả liên kết phụ thuộc vào năng lực tổ chức sản xuất, khả năng thực hiện hợp đồng, cơ chế xác định giá, chất lượng sản phẩm và mức độ chia sẻ lợi ích giữa các bên. Nếu hợp đồng thiếu chặt chẽ hoặc giá thị trường biến động mạnh, liên kết có thể bị gián đoạn; doanh nghiệp khó chủ động nguồn nguyên liệu, còn nông dân và HTX khó bảo đảm đầu ra ổn định.

Hai là, năng lực quản trị và khả năng ứng dụng công nghệ của một bộ phận HTX còn hạn chế. Một số đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng; khả năng tiếp cận, hấp thụ công nghệ, nguồn lực dành cho đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số còn hạn chế. Điều này ảnh hưởng đến việc quản lý dữ liệu, kiểm soát quy trình, truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp xuất khẩu.

Ba là, việc xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường chưa đồng đều giữa các ngành hàng và chủ thể. Sản phẩm có chất lượng nhưng thiếu nhận diện thương hiệu, bao bì, thông tin truy xuất hoặc năng lực tiếp thị sẽ khó tạo lợi thế bền vững. Một số HTX còn phụ thuộc vào thương lái hoặc kênh tiêu thụ truyền thống, chưa chủ động xây dựng quan hệ dài hạn với doanh nghiệp chế biến, hệ thống phân phối hiện đại và đối tác quốc tế.

Bốn là, yêu cầu phát triển kinh tế xanh làm gia tăng áp lực đầu tư và tổ chức sản xuất. Việc chuyển sang quy trình tiết kiệm nước, giảm hóa chất, quản lý phụ phẩm, kiểm soát phát thải và thực hiện chứng nhận có thể làm tăng chi phí ban đầu. Trong khi đó, nguồn lực tài chính, nhân lực kỹ thuật và khả năng tiếp cận công nghệ giữa các HTX chưa đồng đều. Nếu thiếu cơ chế hỗ trợ và chia sẻ chi phí hợp lý, các chủ thể quy mô nhỏ sẽ khó tham gia sâu vào chuỗi cung ứng có tiêu chuẩn cao.

Những hạn chế trên xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan. Một số HTX còn yếu về quản trị, chưa chú trọng dữ liệu, tiêu chuẩn và thương hiệu; một số doanh nghiệp chưa đầu tư dài hạn cho vùng nguyên liệu. Bên cạnh đó, biến động thị trường, yêu cầu nhập khẩu ngày càng thay đổi và chi phí lớn cho công nghệ, chế biến, bảo quản, chuyển đổi xanh cũng gây khó khăn cho quá trình liên kết và phát triển chuỗi giá trị.

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT DOANH NGHIỆP - HTX GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ KINH TẾ XANH

Thứ nhất, tổ chức lại vùng nguyên liệu theo lợi thế sản phẩm và nhu cầu thị trường.

Tỉnh cần triển khai hiệu quả Kế hoạch số 17475/KH-UBND, gắn quy hoạch vùng nguyên liệu với năng lực thu mua, chế biến và tiêu thụ của doanh nghiệp. Việc lựa chọn vùng liên kết phải dựa trên điều kiện đất đai, nguồn nước, quy mô sản xuất, chất lượng sản phẩm, hạ tầng logistics và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn thị trường. HTX cần làm đầu mối tập hợp hộ nông dân, xây dựng kế hoạch sản xuất theo đơn hàng và thống nhất quy trình kỹ thuật; doanh nghiệp chủ động cung cấp thông tin thị trường, tiêu chuẩn sản phẩm và kế hoạch thu mua. Đối với những ngành hàng có tiềm năng xuất khẩu, cần ưu tiên hợp đồng liên kết đủ dài để các bên yên tâm đầu tư.

Thứ hai, nâng cao năng lực quản trị HTX và hoàn thiện cơ chế hợp đồng liên kết.

Cần bồi dưỡng cho cán bộ HTX về quản trị tài chính, tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng, đàm phán và thực hiện hợp đồng. Hợp đồng giữa doanh nghiệp và HTX phải quy định rõ sản lượng, tiêu chuẩn, thời điểm giao nhận, phương thức xác định giá, trách nhiệm khi vi phạm và cơ chế xử lý rủi ro. Các bên cần công khai thông tin, chia sẻ lợi ích và xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp minh bạch. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp tham gia từ khâu lựa chọn giống, vật tư, hướng dẫn kỹ thuật đến thu mua, chế biến.

Thứ ba, đẩy mạnh chuyển đổi số và truy xuất nguồn gốc toàn chuỗi.

Tỉnh cần hỗ trợ HTX và doanh nghiệp xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung về diện tích, sản lượng, tiêu chuẩn, thời vụ, tình hình sử dụng vật tư và nhu cầu tiêu thụ. Việc số hóa cần được triển khai theo hướng thiết thực, dễ sử dụng, tránh đầu tư phần mềm trùng lặp và bảo đảm khả năng kết nối dữ liệu. Trên cơ sở hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản đang được triển khai, cần ưu tiên các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và sản phẩm xuất khẩu;

hướng dẫn người sản xuất ghi chép nhật ký điện tử, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và lưu trữ dữ liệu theo quy định. Doanh nghiệp cần xem dữ liệu truy xuất không chỉ là yêu cầu thủ tục mà còn là công cụ kiểm soát chất lượng, quản trị rủi ro và xây dựng niềm tin với khách hàng.

Thứ tư, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn trong các chuỗi liên kết.

Cần hỗ trợ doanh nghiệp và HTX áp dụng quy trình canh tác an toàn, sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật hợp lý, tiết kiệm nước, quản lý chất thải và tận dụng phụ phẩm nông nghiệp. Đối với những vùng nguyên liệu có điều kiện phù hợp, khuyến khích mô hình nông nghiệp sinh thái, xen canh cây che bóng, sử dụng phân hữu cơ và ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến. Doanh nghiệp cần phối hợp với HTX xây dựng lộ trình đạt các tiêu chuẩn phù hợp với từng thị trường, chia sẻ một phần chi phí chứng nhận, kiểm nghiệm và cải tiến quy trình. Phát triển xanh cần gắn với hiệu quả kinh tế, bảo đảm người sản xuất có thu nhập hợp lý và duy trì cam kết lâu dài.

Thứ năm, phát triển thương hiệu, chế biến sâu và đa dạng hóa thị trường.

Hỗ trợ HTX và doanh nghiệp hoàn thiện nhãn hiệu, bao bì, tiêu chuẩn, chất lượng, chỉ dẫn địa lý và các hình thức bảo hộ sở hữu trí tuệ phù hợp. Cùng với việc mở rộng xúc tiến thương mại, cần tăng cường kết nối với hệ thống siêu thị, doanh nghiệp chế biến, nền tảng thương mại điện tử và nhà nhập khẩu. Doanh nghiệp đầu tư nâng cao năng lực sơ chế, bảo quản, chế biến sâu để giảm tổn thất sau thu hoạch và tăng giá trị gia tăng. HTX chủ động xây dựng câu chuyện sản phẩm, minh bạch nguồn gốc và duy trì chất lượng ổn định. Việc mở rộng thị trường phải đi đôi với phân tán rủi ro, tránh phụ thuộc quá mức vào một thị trường hoặc kênh tiêu thụ.

Để các giải pháp trên đi vào thực tiễn, cần xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể. Chính quyền địa phương giữ vai trò kiến tạo môi trường liên kết, hỗ trợ hạ tầng, thông tin thị trường và đào tạo nguồn nhân lực; doanh nghiệp dẫn dắt thị trường, công nghệ và chế biến; HTX là đầu mối tổ chức sản xuất, kết nối hộ nông dân và giám sát việc thực hiện quy trình; người nông dân trực tiếp thực hiện các tiêu chuẩn sản xuất. Sự phối hợp đồng bộ giữa các bên là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị.

***

Liên kết doanh nghiệp và HTX trong chuỗi giá trị nông sản toàn cầu là hướng đi quan trọng để Lâm Đồng phát huy lợi thế sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng và củng cố sức cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Những kết quả về quy mô HTX, số lượng chuỗi liên kết, diện tích sản xuất có liên kết và hoạt động hỗ trợ khoa học và công nghệ cho thấy nền tảng phát triển đã được hình thành.

Tuy nhiên, yêu cầu của thị trường quốc tế đòi hỏi các mối liên kết phải chuyển từ hợp tác ngắn hạn sang hợp tác có hợp đồng ổn định, quản trị chuyên nghiệp, dữ liệu minh bạch và trách nhiệm môi trường rõ ràng.

Trong giai đoạn tới, cần kết hợp tổ chức vùng nguyên liệu, nâng cao năng lực HTX, phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp, đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển kinh tế xanh. Khi lợi ích và trách nhiệm của các chủ thể được gắn kết chặt chẽ, chuỗi giá trị nông sản Lâm Đồng sẽ có điều kiện phát triển bền vững, nâng cao thu nhập cho người sản xuất và gia tăng vị thế của nông sản địa phương trên thị trường trong nước và quốc tế.■

CƠ HỘI MỚI CHO DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ TRONG KỶ NGUYÊN SỐ VÀ KINH TẾ XANH
TỪ CHẤT LƯỢNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG - NÂNG TẦM GIÁ TRỊ NÔNG SẢN LÂM ĐỒNG

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG
Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường tỉnh Lâm Đồng





Sản phẩm được quảng bá thông qua các hội nghị, hội chợ, triển lãm

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, thương mại điện tử phát triển và xu hướng tiêu dùng xanh ngày càng được quan tâm, nông sản Lâm Đồng có nhiều cơ hội mở rộng thị trường, gia tăng giá trị và khẳng định thương hiệu. Thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, quảng bá sản phẩm và hỗ trợ ứng dụng công nghệ số, ngành nông nghiệp tỉnh đang từng bước tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX) tiếp cận thị trường theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và bền vững.

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Lâm Đồng có lợi thế về điều kiện tự nhiên, vùng nguyên liệu và sự đa dạng ngành hàng nông sản.

Sau sắp xếp đơn vị hành chính, không gian phát triển nông nghiệp được mở rộng, tạo điều kiện kết nối các vùng sản xuất, phát huy lợi thế ngành hàng và hình thành chuỗi cung ứng gắn với nhu cầu của thị trường.

Những năm qua, ngành nông nghiệp Lâm Đồng đã triển khai nhiều hoạt động xúc tiến

thương mại gắn với cơ cấu lại ngành, nâng cao chất lượng và phát triển thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản. Các chương trình tập trung quảng bá sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP; hỗ trợ doanh nghiệp, HTX tham gia hội chợ, triển lãm, tuần hàng nông sản, hội nghị kết nối cung - cầu và tiếp cận hệ thống phân phối trong nước, đối tác xuất khẩu.

Giai đoạn 2020-2024, hoạt động xúc tiến thương mại và phát triển thị trường nông sản được triển khai tại Lâm Đồng và Bình Thuận trước sắp xếp, với nhiều chương trình giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh miền Trung, Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 2025, các hoạt động tiếp tục được đẩy mạnh tại Nghệ An, Hà Tĩnh, thành phố Huế; đồng thời, triển khai điểm giới thiệu nông sản an toàn tại Thành phố Hồ Chí Minh và phối hợp quảng bá sản phẩm với các hệ thống bán lẻ hiện đại.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, ngành nông nghiệp tiếp tục tổ chức các hoạt động phát triển thị trường tại Đồng Tháp, Lạng Sơn; kết nối tiêu thụ nông sản với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ và tổ chức không gian *"Ngày hội trái cây đặc sản Lâm Đồng"* tại Hà Nội. Bên cạnh đó, các chương trình trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại hội chợ, triển lãm chuyên ngành cũng góp phần mở rộng cơ hội giao thương, kết nối với đối tác.

KẾT NỐI HỆ THỐNG PHÂN PHỐI, TẠO ĐẦU RA CHO NÔNG SẢN

Một kết quả nổi bật của hoạt động xúc tiến thương mại là đưa nông sản địa phương vào các hệ thống phân phối hiện đại. Năm 2025, thông qua chương trình phối hợp với hệ thống Bách Hóa Xanh, sản phẩm bơ 034 được kết nối tiêu thụ tại hơn 560 siêu thị, với sản lượng 84 tấn; đồng thời, 5 doanh nghiệp, HTX ký thỏa thuận hợp tác tiêu thụ.

Kết quả này cho thấy vai trò của việc kết nối trực tiếp với hệ thống bán lẻ trong mở rộng đầu ra. Khi đáp ứng yêu cầu về chất lượng, quy cách, hồ sơ và khả năng cung ứng, doanh nghiệp, HTX có thêm cơ hội tiếp cận người tiêu dùng, mở rộng quy mô tiêu thụ và ổn định thị trường.

Bên cạnh bơ 034, năm 2024, các hoạt động xúc tiến tiêu thụ bơ và sản phẩm sơ chế, chế biến từ bơ được triển khai tại Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Thừa Thiên Huế. Các chương trình phối hợp với hệ thống phân phối, tuần lễ quảng bá và không gian giới thiệu sản phẩm góp phần nâng cao khả năng nhận diện nông sản của Lâm Đồng.

THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ MỞ RỘNG CƠ HỘI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

Cùng với các kênh phân phối truyền thống, thương mại điện tử đang trở thành công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp, HTX mở rộng phạm vi tiếp cận khách hàng, quảng bá thương hiệu và tìm kiếm đối tác. Các nền tảng số giúp sản phẩm địa phương tiếp cận người tiêu dùng ở nhiều địa bàn, giảm rào cản khoảng cách và cập nhật thông tin thị trường nhanh chóng.

Thời gian qua, ngành nông nghiệp duy trì trang thông tin thương mại điện tử nông sản (www.nongsandalatlamdong.vn) để giới thiệu doanh nghiệp, sản phẩm, giá cả, thị trường, hội chợ, hội nghị và hoạt động kết nối tiêu thụ. Các nhóm Zalo hỗ trợ doanh nghiệp cũng

được sử dụng để chia sẻ thông tin đơn hàng, chương trình xúc tiến thương mại và cơ hội giao thương.

Giai đoạn 2023-2025, trang thương mại điện tử nông sản đã giới thiệu hơn 900 đơn vị với 2.072 sản phẩm. Báo cáo chuyên đề giai đoạn 2020-2025 ghi nhận lũy kế 604 tin, bài và trên 2,1 triệu lượt truy cập, bình quân khoảng 50.000 lượt mỗi tháng. Nhóm zalo hỗ trợ có trên 1.000 doanh nghiệp, HTX tham gia, cung cấp trên 300 thông tin đơn hàng trong và ngoài nước trong giai đoạn 2023-2025.

Những kết quả này cho thấy nền tảng số đang từng bước trở thành cầu nối giữa doanh nghiệp, HTX với thị trường. Qua các kênh trực tuyến, đơn vị sản xuất có thể chủ động giới thiệu sản phẩm, tìm hiểu nhu cầu thu mua và tiếp cận các chương trình xúc tiến thương mại phù hợp.

Để phát huy hiệu quả, doanh nghiệp, HTX cần nâng cao kỹ năng kinh doanh số, đầu tư hình ảnh sản phẩm, hoàn thiện thông tin giới thiệu, bao bì, nhãn hàng hóa, hồ sơ chất lượng. Đồng thời, bảo đảm thông tin quảng bá chính xác, chất lượng đồng đều, khả năng giao hàng và dịch vụ sau bán hàng. Đây là những yếu tố giúp chuyển lượt tiếp cận trực tuyến thành đơn hàng và quan hệ thương mại lâu dài.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, MỞ RỘNG CƠ HỘI XUẤT KHẨU

Bên cạnh phát triển thị trường trong nước, xúc tiến thương mại xuất khẩu là hướng đi quan trọng để gia tăng giá trị nông sản Lâm Đồng. Thời gian qua, ngành nông nghiệp đã triển khai các hoạt động kết nối giao thương, giới thiệu sản phẩm với đối tác quốc tế, cung cấp thông tin về nhu cầu nhập khẩu và yêu cầu kỹ thuật của từng thị trường.

Tại hội nghị quốc tế kết nối giao thương, giới thiệu nông sản Lâm Đồng xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc năm 2024, có 15 đơn hàng được doanh nghiệp hai bên đàm phán, trong đó 2 đơn hàng đã hoàn tất thủ tục và thực hiện xuất khẩu. Đây là kết quả cụ thể cho thấy xúc tiến thương mại góp phần tạo cơ hội tiếp cận đối tác, tìm kiếm đơn hàng và phát triển thị trường xuất khẩu.

Ngoài Trung Quốc, các thị trường như Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN, Trung Đông, châu Âu và Bắc Mỹ cũng được quan tâm thông qua hoạt động cung cấp thông tin thị trường và kết nối với hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài.

Để tận dụng cơ hội, doanh nghiệp, HTX chủ động tìm hiểu quy định của thị trường nhập khẩu, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc. Việc tổ chức vùng nguyên liệu, duy trì nguồn cung ổn định, nâng cao năng lực sơ chế, bảo quản và chế biến cũng là điều kiện quan trọng để đáp ứng đơn hàng, xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, xúc tiến thương mại không chỉ dừng ở giới thiệu sản phẩm mà còn phải gắn với năng lực thực hiện hợp đồng, duy trì chất lượng, chăm sóc đối tác. Đây là cơ sở để nâng cao hiệu quả giao thương, từng bước đưa nông sản địa phương tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng.

KINH TẾ XANH - HƯỚNG ĐI NÂNG CAO GIÁ TRỊ NÔNG SẢN

Song hành với chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh đang mở ra hướng đi mới cho nông nghiệp Lâm Đồng. Thị trường ngày càng quan tâm đến sản phẩm an toàn, nguồn gốc rõ ràng, quy trình sản xuất có trách nhiệm và việc sử dụng hiệu quả tài nguyên. Đây vừa là

yêu cầu, vừa là cơ hội để doanh nghiệp, HTX nâng cao chất lượng và xây dựng lợi thế cạnh tranh lâu dài.

Để đáp ứng xu hướng này, các chủ thể sản xuất cần chú trọng áp dụng quy trình phù hợp, quản lý tốt vật tư nông nghiệp, sử dụng hiệu quả nước và phân bón, giảm thất thoát sau thu hoạch, cải tiến khâu bảo quản và sơ chế. Cùng với đó là tăng cường ghi chép thông tin sản xuất, quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc nhằm nâng cao tính minh bạch của sản phẩm.

Công nghệ số có thể hỗ trợ quản lý vùng nguyên liệu, theo dõi quá trình sản xuất và cung cấp thông tin cho khách hàng. Khi kết hợp với các giải pháp tiết kiệm tài nguyên, giảm lãng phí và nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng, chuyển đổi số sẽ góp phần thúc đẩy sản xuất xanh và tăng sức cạnh tranh của nông sản.

Đối với sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng, việc kết hợp chất lượng, nguồn gốc rõ ràng, bao bì phù hợp với câu chuyện sản phẩm và bản sắc địa phương sẽ giúp tăng khả năng nhận diện thương hiệu. Giá trị nông sản vì vậy không chỉ nằm ở sản lượng mà còn được tạo nên từ chất lượng, mức độ chế biến, uy tín và khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường.

LIÊN KẾT CHUỖI GIÁ TRỊ, BIẾN CƠ HỘI THÀNH KẾT QUẢ BỀN VỮNG

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động phát triển thị trường vẫn còn một số khó khăn. Chi phí vận chuyển và bảo quản nông sản đến các thị trường ngoài tỉnh còn cao; hạ tầng bảo quản và chuỗi cung ứng lạnh chưa đồng bộ. Một bộ phận doanh nghiệp, HTX còn hạn chế về nhân lực chuyên trách thị trường, kỹ năng kinh doanh số, hồ sơ chất lượng, bao bì, nhãn mác và khả năng duy trì nguồn hàng ổn định.

Những hạn chế này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, HTX, hiệp hội ngành hàng và hệ thống phân phối. Hoạt động xúc tiến thương mại cần gắn với hỗ trợ liên kết sản xuất - tiêu thụ, phát triển sản phẩm OCOP, nâng cao chất lượng và mở rộng ứng dụng thương mại điện tử.

Trong giai đoạn 2026-2030, định hướng phát triển thị trường tập trung vào kết nối theo ngành hàng, phát huy vai trò của doanh nghiệp và HTX đầu mối, đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ số, quảng bá thương hiệu, nâng cấp nền tảng thương mại điện tử nông sản và tăng cường thu thập, phân tích thông tin thị trường.

Về phía doanh nghiệp, HTX, cần chủ động đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh; xác định thị trường mục tiêu; chuẩn hóa chất lượng; tăng cường liên kết vùng nguyên liệu và đầu tư phù hợp cho sơ chế, chế biến, bảo quản. Việc xây dựng chuỗi cung ứng ổn định, minh bạch thông tin và thực hiện tốt cam kết với đối tác sẽ góp phần nâng cao hiệu quả tiêu thụ, hạn chế sự phụ thuộc vào các đơn hàng thời vụ.

Từ chất lượng đến thị trường - nâng tầm giá trị nông sản Lâm Đồng là định hướng xuyên suốt trong quá trình đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại. Khi chất lượng trở thành nền tảng, chuyển đổi số là công cụ và kinh tế xanh là định hướng phát triển, doanh nghiệp, HTX sẽ có thêm cơ hội mở rộng thị trường, gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh. Qua đó, góp phần xây dựng ngành nông nghiệp Lâm Đồng phát triển hiện đại, hiệu quả và bền vững, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

TÔ VĂN SANH - Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lâm Đồng



Hội nghị Giải pháp nâng cấp năng lực doanh nghiệp Lâm Đồng trong giai đoạn mới

Sau hợp nhất, tỉnh Lâm Đồng có không gian phát triển rộng lớn, kết nối cao nguyên, trung du, duyên hải, biển đảo và biên giới. Đây là lợi thế để mở rộng thu hút đầu tư, hình thành các cực tăng trưởng mới và phát triển chuỗi giá trị liên vùng.

Tỉnh có nhiều lợi thế thu hút đầu tư trong các lĩnh vực: nông nghiệp công nghệ cao; du lịch cao nguyên, biển; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; bô-xít, alumin, nhôm, titan; năng lượng, cảng biển, logistics, đô thị và các ngành mới như trung tâm dữ liệu, công nghiệp văn hóa, kinh tế biển...

Kinh nghiệm từ các địa phương thành công cho thấy, thu hút đầu tư hiệu quả cần có sự chuẩn bị đồng bộ về quy hoạch, hạ tầng, pháp lý, dự án và nhà đầu tư mục tiêu; bảo đảm phản hồi nhanh và hỗ trợ nhà đầu tư xuyên suốt quá trình triển khai.

Trước áp lực cạnh tranh ngày càng lớn, Lâm Đồng cần đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo bốn hướng: chuyển từ giới thiệu tiềm năng sang cung cấp cơ hội đầu tư sẵn sàng triển khai; từ xúc tiến rộng rãi sang có mục tiêu, tập trung vào nhà đầu tư phù hợp; ưu tiên dự án chất lượng, trọng điểm, có sức lan tỏa; và chuyển từ hỗ trợ thủ tục đơn lẻ sang quản trị toàn bộ vòng đời dự án.

Để thực hiện các chuyển đổi này, tỉnh cần nghiên cứu, chọn lọc, vận dụng kinh nghiệm phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả xúc tiến, thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài.

TIẾP CẬN TỔNG THỂ, QUẢN TRỊ TOÀN BỘ VÒNG ĐỜI DỰ ÁN TRONG CÔNG TÁC XÚC TIẾN, THU HÚT ĐẦU TƯ

Quy trình đầu tư có thể khái quát qua các bước: xúc tiến đầu tư, giới thiệu dự án; thẩm

định và chấp thuận thủ tục đầu tư sau khi nhà đầu tư nộp hồ sơ; thẩm định, chấp thuận các thủ tục pháp lý liên quan sau khi được chấp thuận thủ tục đầu tư (đất đai, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, xây dựng...); nhà đầu tư triển khai xây dựng dự án, giải ngân nguồn vốn trên địa bàn tỉnh và đưa dự án vào vận hành sản xuất, kinh doanh.

Trong quy trình này, xúc tiến đầu tư giữ vai trò quảng bá, khởi động và mở cửa cơ hội đầu tư. Tuy nhiên, các khâu thẩm định, cấp thủ tục đầu tư, hỗ trợ sau đầu tư, theo dõi và đồng hành cùng nhà đầu tư cũng có ý nghĩa quan trọng đối với tiến trình triển khai dự án. Vì vậy, cần chuyển từ cách tiếp cận chỉ tập trung vào hoạt động xúc tiến ban đầu và hỗ trợ riêng lẻ từng khâu sang quản trị toàn bộ vòng đời dự án. Đây là điều kiện quan trọng để đổi mới công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, đồng thời tăng cường sự phối hợp và điều phối tổng thể giữa các sở, ngành, địa phương liên quan, bảo đảm hiệu quả thực chất của công tác xúc tiến, thu hút đầu tư.

Hiệu quả thu hút đầu tư không nên chỉ đánh giá qua số lượng dự án mà cần xem xét thêm các tiêu chí như: tỷ lệ dự án triển khai đúng tiến độ, vốn đầu tư thực hiện, số dự án mở rộng, việc làm có chất lượng, mức độ liên kết với doanh nghiệp địa phương và sự hài lòng của nhà đầu tư.

Thực tiễn cho thấy, các nhà đầu tư đang hoạt động hiệu quả chính là kênh xúc tiến đáng tin cậy. Một dự án được hỗ trợ tháo gỡ khó khăn kịp thời, tạo điều kiện mở rộng thuận lợi và được duy trì đối thoại thường xuyên sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực, góp phần thu hút thêm các nhà đầu tư mới.

Do đó, bên cạnh vai trò của cơ quan đầu mối về xúc tiến đầu tư, cần xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để theo dõi toàn bộ vòng đời dự án, từ nghiên cứu cơ hội, chuẩn bị đầu tư, cấp phép, đất đai, xây dựng đến vận hành và mở rộng. Đối với các dự án chiến lược, trọng điểm, có thể nghiên cứu thành lập tổ công tác liên ngành do lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách, giao rõ một cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm điều phối và xác định thời hạn thực hiện từng công việc. Hiện nay, một số địa phương phát triển đã áp dụng cách làm này, đồng thời xây dựng sơ đồ Gantt để theo dõi tiến độ các dự án trọng điểm trong suốt quy trình đầu tư.

XÚC TIẾN ĐẦU TƯ CÓ MỤC TIÊU, LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI TỪNG DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, NHÓM DỰ ÁN THEO LĨNH VỰC

Cần đổi mới cách tiếp cận trong công tác xúc tiến, thu hút đầu tư theo hướng chú trọng nghiên cứu thị trường đầu tư khu vực và quốc tế. Mỗi quốc gia, khu vực có năng lực, thế mạnh và định hướng đầu tư ("khẩu vị" đầu tư) khác nhau.

Chẳng hạn, Nhật Bản có thế mạnh và sự phù hợp trong các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chế biến thực phẩm, logistics lạnh, môi trường và đào tạo nhân lực. Hàn Quốc phù hợp với các lĩnh vực du lịch, đô thị, thương mại, văn hóa - giải trí và dịch vụ. Singapore có thế mạnh về khu kinh tế, logistics, đô thị thông minh, tài chính xanh và trung tâm dữ liệu. Các nhà đầu tư châu Âu quan tâm đến năng lượng sạch, kinh tế tuần hoàn, nước, nông nghiệp bền vững và các tiêu chuẩn ESG. Các nước vùng Vịnh có khả năng cung cấp nguồn vốn dài hạn cho năng lượng, cảng biển, logistics, du lịch cao cấp và an ninh lương thực. Trong khi đó, Hoa Kỳ có lợi thế về công nghệ, dữ liệu và nông nghiệp công nghệ cao.

Do mỗi thị trường đầu tư có năng lực và định hướng khác nhau, việc chuẩn bị các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa lớn cần xác định nhà đầu tư mục tiêu ngay từ đầu. Việc lựa chọn cần gắn với các tiêu chí cụ thể về năng lực tài chính, công nghệ, khả năng tạo việc làm, liên kết với doanh nghiệp địa phương và bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó, hồ sơ dự án được xây dựng theo hướng tập trung vào đúng nhóm nhà đầu tư tiềm năng, phù hợp nhất.

Lựa chọn đúng nhà đầu tư ngay từ đầu sẽ góp phần giảm thiểu nguy cơ dự án chậm tiến độ, chiếm dụng đất, phải điều chỉnh nhiều lần hoặc gây áp lực lên môi trường và hạ tầng.

Đồng thời, đối với từng thị trường đầu tư, cần xây dựng bộ tài liệu xúc tiến với thông điệp riêng, tập trung giới thiệu những cơ hội đầu tư phù hợp nhất, thay vì trình bày dàn trải toàn bộ tiềm năng của tỉnh.

GẮN DANH MỤC KÊU GỌI ĐẦU TƯ VỚI CƠ CHẾ HOÀN THIỆN HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ DỰ ÁN, XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ ƯU TIÊN

Hiện nay, danh mục kêu gọi đầu tư của tỉnh vẫn còn một số dự án vướng mắc về thủ tục như quy hoạch, xử lý tài sản trên đất, chưa có quy hoạch chi tiết để thực hiện đấu giá, đấu thầu... Vì vậy, mức độ sẵn sàng tiếp nhận đầu tư của các dự án chưa cao, khiến nhà đầu tư dù quan tâm cũng chưa thể triển khai các bước tiếp theo.

Bên cạnh đó, các dự án thuộc danh mục thu hút đầu tư của tỉnh chưa có cơ chế, chính sách ưu tiên rõ ràng so với những dự án ngoài danh mục. Trong quá trình xúc tiến và hoàn thiện hồ sơ dự án, các cơ quan, địa phương còn thiếu nguồn lực và cơ chế để chủ động thực hiện các công việc như lập quy hoạch chi tiết, định giá, chuẩn bị hồ sơ đấu giá, đấu thầu... Điều này làm giảm tính sẵn sàng và khả năng hấp thụ vốn đầu tư của dự án.

Do đó, danh mục kêu gọi đầu tư cần gắn với cơ chế và nguồn lực dành cho công tác hoàn thiện hồ sơ dự án, có thể tiếp cận tương tự như công tác chuẩn bị đầu tư đối với dự án đầu tư công. Theo đó, các cơ quan, địa phương chủ động hoàn thiện trước hồ sơ các dự án thuộc danh mục thu hút đầu tư trong ngành, lĩnh vực phụ trách. Cách làm này sẽ góp phần rút ngắn thời gian chờ đợi của nhà đầu tư khi thực hiện thủ tục tại cơ quan nhà nước; đồng thời, tạo điều kiện để dự án sẵn sàng triển khai ngay khi có nhà đầu tư quan tâm và đề nghị thực hiện thủ tục đầu tư.

Các nội dung trên thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước và đã được quy định trong pháp luật về đầu tư, quy hoạch đô thị và nông thôn, đấu thầu cùng các quy định pháp luật có liên quan. Vì vậy, trong quá trình xây dựng và ban hành danh mục, cần thẩm định kỹ hồ sơ đề xuất dự án; đồng thời, phân loại theo mức độ ưu tiên, gồm: dự án thu hút đầu tư trọng điểm, có sức lan tỏa lớn; dự án sẵn sàng xúc tiến ngay; dự án cần tiếp tục hoàn thiện pháp lý và hạ tầng; dự án nghiên cứu dài hạn. Không nên đưa tất cả dự án vào cùng một cấp độ ưu tiên.

YÊU CẦU "ĐÓNG GÓI DỰ ÁN HOÀN CHỈNH" TRƯỚC KHI XÚC TIẾN, KÊU GỌI ĐẦU TƯ DỰ ÁN, NHẤT LÀ ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ TRỌNG ĐIỂM

Nhà đầu tư chuyên nghiệp, đặc biệt là nhà đầu tư quốc tế, không chỉ quan tâm đến danh mục, tên dự án, tổng vốn dự kiến hay những thông tin sơ bộ, mà còn cần được cung cấp đầy đủ thông tin về dự án, các yếu tố liên quan, hình thức lựa chọn nhà đầu tư, tiến độ thực hiện thủ

tục và cơ quan chịu trách nhiệm. Vì vậy, việc chuẩn bị thông tin theo hướng "đóng gói dự án hoàn chỉnh" là yêu cầu cần thiết để nâng cao tính chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường đầu tư trong nước và quốc tế.

Các nội dung nhà đầu tư thường quan tâm gồm:

- Phù hợp quy hoạch và định hướng phát triển liên quan.
- Xác định rõ quỹ đất và hiện trạng sử dụng đất.
- Phương án về giao thông, điện, nước, viễn thông và xử lý chất thải, các yếu tố tác động đến dự án.
- Xác định được thủ tục pháp lý chủ yếu và hình thức lựa chọn nhà đầu tư.
- Phân tích sơ bộ về thị trường, nhu cầu, lợi thế cạnh tranh và rủi ro.
- Phân tích sơ bộ về tài chính, hiệu quả đầu tư dự án.
- Xác định nhóm nhà đầu tư mục tiêu thu hút đầu tư.
- Có cơ quan đầu mối và thời hạn thực hiện từng thủ tục.

Đối với các dự án thu hút đầu tư trọng điểm, việc chuẩn bị đầy đủ những nội dung trên cần được gắn với quá trình xây dựng danh mục và hoàn thiện hồ sơ từng dự án cụ thể, do các sở, ngành và địa phương phối hợp thực hiện. Đây sẽ là cơ sở quan trọng nâng cao hiệu quả xúc tiến, thu hút đầu tư, nhất là tại các hội nghị xúc tiến đầu tư cấp vùng và quốc tế.

XÂY DỰNG HẠ TẦNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ SỐ VÀ QUẢN TRỊ ĐẦU TƯ SỐ, ĐÁP ỨNG XU HƯỚNG QUỐC TẾ VÀ YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia diễn ra mạnh mẽ, hoạt động xúc tiến đầu tư không còn chỉ được thực hiện thông qua các sự kiện trực tiếp mà đang dịch chuyển ngày càng rõ nét sang môi trường số. Nhà đầu tư, đặc biệt là các tập đoàn lớn và nhà đầu tư quốc tế, có xu hướng tìm kiếm, đánh giá thông tin về quy hoạch, dự án và môi trường kinh doanh trên các nền tảng trực tuyến trước khi tiến hành tiếp xúc trực tiếp.

Tuy nhiên, qua rà soát thực trạng, công tác xúc tiến đầu tư trên nền tảng số của tỉnh vẫn còn một số khó khăn:

- Dữ liệu phân tán: thông tin về danh mục dự án, quy hoạch sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật và các chính sách ưu đãi hiện được lưu trữ tại nhiều cơ quan, cổng thông tin khác nhau, chưa có sự kết nối, chia sẻ đồng bộ. Điều này gây khó khăn cho nhà đầu tư khi cần tra cứu thông tin tập trung.
- Phương thức cung cấp thông tin một chiều: các kênh thông tin hiện nay chủ yếu cung cấp dữ liệu tĩnh, thiếu tính tương tác và chưa có các công cụ thông minh như bản đồ số dự án, chatbot hỗ trợ 24/7 để đáp ứng kịp thời nhu cầu tìm hiểu của nhà đầu tư.
- Thiếu công cụ quản trị hành trình nhà đầu tư: hiện chưa có hệ thống số để theo dõi, quản lý thông tin liên hệ, nhu cầu và quá trình hỗ trợ nhà đầu tư từ giai đoạn tiếp cận đến khi triển khai dự án. Điều này khiến việc phối hợp giữa các sở, ngành đôi khi chưa bảo đảm tính kịp thời.

Từ thực trạng trên, việc xây dựng một hệ thống số chuyên biệt nhằm cung cấp thông tin minh bạch, chính xác và đa ngôn ngữ là yêu cầu khách quan, góp phần nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư và năng lực cạnh tranh trong thu hút nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

NGHIÊN CỨU BAN HÀNH SỔ TAY HƯỚNG DẪN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Việc ban hành Sổ tay hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh nhằm hỗ trợ nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận và thực hiện các thủ tục, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn khi triển khai hoạt động đầu tư tại địa phương.

Sổ tay sẽ tích hợp, khái quát và hệ thống hóa các quy định có liên quan, giúp nhà đầu tư thuận tiện tra cứu, nghiên cứu chi tiết theo từng bước và nắm bắt quy trình ngay từ giai đoạn đầu.

Một số tiện ích cụ thể gồm:

- Hệ thống hóa pháp luật: tổng hợp các quy định từ nhiều luật và văn bản hướng dẫn liên quan đến hoạt động đầu tư ngoài ngân sách trong bối cảnh mới.

- Quy trình từng bước: hướng dẫn các bước tiếp cận dự án, tìm hiểu thông tin và thực hiện trình tự thủ tục pháp lý tại địa phương...

Tuy nhiên, cần lưu ý Sổ tay chỉ là tài liệu tham khảo, hỗ trợ tra cứu, không thay thế các hướng dẫn chuyên môn của sở, ban, ngành hoặc các văn bản pháp luật chính thức.

TẬP TRUNG THU HÚT CÁC NGUỒN VỐN THÔNG QUA CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Theo Quyết định 2786/QĐ-UBND ngày 06/6/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2026-2030 dự báo rất lớn, trong đó vốn ngoài ngân sách nhà nước chiếm tỷ trọng cao.

Với tiềm năng, thế mạnh và các dự án ưu tiên đầu tư đã được xác định, tỉnh Lâm Đồng có cơ sở và khả năng hấp thụ các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài, đặc biệt là nguồn vốn từ các định chế tài chính quốc tế.

Vì vậy, việc chủ động kết nối, huy động và bổ sung các nguồn vốn đầu tư, nhất là trong lĩnh vực hạ tầng, tài chính xanh và công nghệ cao, có ý nghĩa hết sức cần thiết đối với quá trình phát triển của tỉnh.

Tỉnh cần chủ động tiếp cận và huy động các nguồn lực như tài chính xanh, trái phiếu xanh, tín dụng khí hậu, vốn ODA, vốn ưu đãi quốc tế, quỹ chuyển dịch năng lượng, quỹ bảo vệ môi trường và nguồn lực từ hợp tác công - tư.

Các nguồn vốn này có thể được định hướng cho những dự án về hạ tầng xanh, năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi, hydrogen xanh, xử lý nước thải, tái sử dụng nước, kinh tế tuần hoàn, phục hồi hệ sinh thái rừng - biển, nông nghiệp phát thải thấp, logistics xanh và đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hoạt động xúc tiến đầu tư là một quá trình tích hợp nhiều nội dung, không phải hoạt động đơn lẻ hay nhiệm vụ của riêng một cơ quan, đơn vị. Công tác này đòi hỏi sự chuẩn bị và phối hợp thực hiện nhiều nội dung trong suốt vòng đời dự án.

Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, yêu cầu đặt ra không chỉ là chuẩn bị và thực hiện đầy đủ, rõ ràng các thủ tục mà còn phải rút ngắn thời gian, nghiên cứu triển khai đồng thời, song song nhiều thủ tục trong khuôn khổ pháp luật.

Những định hướng và giải pháp nêu trên được kỳ vọng sẽ góp phần đổi mới phương thức xúc tiến, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế và huy động nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn mới.

TIÊU CHUẨN VIETGAP NĂM 2026
LỘ TRÌNH CHUẨN HÓA CÁC QUY ĐỊNH TRÊN CON ĐƯỜNG NÔNG SẢN VIỆT NAM

ThS. VÕ THỊ TÌNH
Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng



Khảo sát, kiểm tra thực tế vùng trồng theo tiêu chuẩn VietGAP

Ngày 08/7/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 3058/QĐ-BKHCN về việc công bố và bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia. Theo đó, TCVN 11892-1:2017 được bãi bỏ và thay thế bằng TCVN 11892-1:2026 - Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) - Phần 1: Trồng trọt.

Tiêu chuẩn mới mở rộng cách tiếp cận VietGAP, không chỉ tập trung kiểm soát vật tư và an toàn thực phẩm mà còn chú trọng bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên, điều kiện làm việc và sức khỏe người lao động. Qua đó, việc kiểm soát chất lượng được tăng cường ngay từ vùng trồng.

TCVN 11892-1:2026 đánh dấu bước cập nhật quan trọng trong thực hành nông nghiệp tốt tại Việt Nam, hướng đến số hóa quy trình giám sát, kiểm soát giới hạn tồn dư hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và đồng bộ các yêu cầu kỹ thuật theo hướng tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế. Trong bối cảnh các thị trường nhập khẩu ngày càng nâng cao hàng rào kỹ thuật, việc nắm bắt và áp dụng kịp thời các yêu cầu của VietGAP 2026 có ý nghĩa thiết thực, giúp trang

trại, hợp tác xã và doanh nghiệp duy trì năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu thị trường và bảo đảm đầu ra ổn định cho nông sản.

MỤC TIÊU CỦA TIÊU CHUẨN VIETGAP TCVN 11892-1:2026

Bước sang năm 2026, nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước yêu cầu tái cơ cấu mạnh mẽ, chuyển từ tư duy phát triển dựa trên sản lượng sang mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn, giá trị cao và phát thải thấp, hướng đến mục tiêu Net Zero. Xu hướng tiêu dùng toàn cầu ngày càng đặt ra yêu cầu cao về tính minh bạch trong truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm bảo vệ môi trường và an toàn sức khỏe người lao động. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như EVFTA, CPTPP cùng những quy định của các thị trường nhập khẩu, trong đó có Lệnh 280 của Hải quan Trung Quốc, đòi hỏi nông sản phải đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và điều kiện sản xuất bền vững.

Trước những yêu cầu đó, VietGAP 2026 được kỳ vọng trở thành công cụ quan trọng trong quản lý và nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Kế thừa các nguyên tắc của TCVN 11892-1:2017, tiêu chuẩn mới hướng đến cập nhật, hoàn thiện các yêu cầu kỹ thuật, từng bước tiệm cận các chuẩn mực quốc tế như GlobalG.A.P. và ASEAN GAP. Qua đó, góp phần củng cố niềm tin của người tiêu dùng, bảo vệ hệ sinh thái nông nghiệp và tạo điều kiện để nông sản Việt Nam tiếp cận các kênh phân phối cao cấp trên thị trường quốc tế.

NHỮNG THAY ĐỔI TRỌNG TÂM CỦA TIÊU CHUẨN VIETGAP TCVN 11892-1:2026

Hướng tới số hóa nhật ký canh tác và quản lý dữ liệu sản xuất

Điểm cải tiến mang tính bản lề và thu hút sự quan tâm lớn nhất trong VietGAP 2026 chính là lộ trình bắt buộc số hóa hồ sơ canh tác, dần thay thế hoàn toàn phương pháp ghi chép bằng sổ tay giấy truyền thống.

Trước đây, việc ghi chép thủ công thường bộc lộ một số hạn chế như dễ thất lạc, thiếu tính xác thực, có thể phát sinh tình trạng ghi chép hồi cứu và gây khó khăn cho công tác kiểm tra, đánh giá độc lập.

Theo hướng tiếp cận mới, các cơ sở sản xuất được khuyến khích ứng dụng phần mềm quản lý nông trại thông minh hoặc nền tảng nhật ký điện tử được cơ quan có thẩm quyền và tổ chức chứng nhận công nhận.

Thông qua các ứng dụng trên thiết bị di động, thông tin về hoạt động sản xuất tại nông trại, từ thời điểm bón phân, tên và liều lượng phân bón, hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, lý do sử dụng thuốc đến thời điểm bắt đầu thu hoạch, có thể được cập nhật trực tiếp trong quá trình sản xuất. Việc kết hợp dữ liệu định vị GPS và hình ảnh thực địa góp phần nâng cao tính xác thực, minh bạch của hồ sơ canh tác.

Dữ liệu được lưu trữ tập trung trên hệ thống điện toán đám mây, tạo thuận lợi cho công tác theo dõi, giám sát của tổ chức chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước. Khi cần truy xuất nguồn gốc, người tiêu dùng và đối tác thu mua có thể quét mã QR trên bao bì để tra cứu thông tin về quá trình sản xuất và chăm sóc của lô nông sản.

Một số thay đổi cơ bản trong yêu cầu kỹ thuật

Bên cạnh định hướng số hóa, TCVN 11892-1:2026 còn chú trọng hoàn thiện các yêu cầu về quản lý vùng sản xuất, sơ chế, lưu trữ hồ sơ và bảo vệ môi trường.

Cụ thể, khu vực sản xuất không được xâm hại các khu bảo tồn thiên nhiên. Người sản xuất được khuyến khích sử dụng máy móc tiết kiệm nhiên liệu, thiết bị có hiệu suất cao và các nguồn năng lượng tái tạo nhằm giảm tác động đến môi trường.

Trong hoạt động sơ chế, khu vực tiếp nhận nguyên liệu cần được phân tách với khu vực thành phẩm để hạn chế nguy cơ nhiễm chéo. Máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ sơ chế phải được vệ sinh, bảo dưỡng theo quy trình.

Thời gian lưu trữ hồ sơ được nâng lên tối thiểu 24 tháng kể từ ngày thu hoạch. Tiêu chuẩn đồng thời bổ sung quy định về tiếp nhận, xử lý khiếu nại liên quan đến môi trường; đưa phương pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) vào cùng với các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và quản lý cây trồng tổng hợp (ICM) đã được áp dụng trước đó.

Tăng cường kiểm soát hóa chất và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

Một nội dung kỹ thuật quan trọng khác của TCVN 11892-1:2026 là tăng cường kiểm soát việc sử dụng hóa chất nông nghiệp và giới hạn dư lượng tối đa cho phép (MRLs) trong nông sản. Tiêu chuẩn hướng đến việc cập nhật, đồng bộ với các quy định mới của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về danh mục hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và bị cấm; trong đó, chú trọng loại bỏ các hoạt chất độc hại cao thuộc nhóm clo hữu cơ, lân hữu cơ và một số hoạt chất diệt cỏ, diệt nấm có nguy cơ tích tụ lâu dài trong đất, nông sản.

Tiêu chuẩn cũng nhấn mạnh việc áp dụng Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trong sản xuất. Theo đó, các trang trại cần ưu tiên sử dụng chế phẩm sinh học đối kháng như nấm *Trichoderma*, vi khuẩn *Bacillus thuringiensis*, bẫy pheromone sinh học và các loài thiên địch tự nhiên để kiểm soát sinh vật gây hại.

Việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học cần được cân nhắc như giải pháp cuối cùng khi mật độ sâu hại vượt ngưỡng kinh tế. Người sản xuất phải tuân thủ nguyên tắc "4 đúng", đặc biệt chú ý thời gian cách ly (PHI) trước thu hoạch nhằm bảo đảm dư lượng hóa chất trong sản phẩm không vượt giới hạn MRLs theo quy định của thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế.

Mở rộng yêu cầu về bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội

Không chỉ tập trung vào an toàn thực phẩm của sản phẩm cuối cùng, VietGAP 2026 còn mở rộng phạm vi đánh giá sang các khía cạnh trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, có sự tương đồng với định hướng phát triển bền vững theo các tiêu chuẩn ESG.

Theo đó, trang trại và hợp tác xã cần xây dựng quy trình quản lý chất thải nông nghiệp chặt chẽ. Khu vực lưu chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng phải được xây dựng kiên cố bằng bê tông, có nắp đậy kín, bảo đảm không để nước thải hoặc hóa chất thấm ra môi trường đất. Đồng thời, cơ sở sản xuất cần ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

Bên cạnh đó, các yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động và phúc lợi của người lao động trong nông nghiệp cũng được chú trọng. Cơ sở sản xuất cần trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân như quần áo chống thấm, mặt nạ phòng độc, găng tay cao su và ủng cho người trực tiếp pha chế, phun thuốc bảo vệ thực vật. Người lao động cần được khám sức khỏe nghề nghiệp định kỳ và tập huấn

kỹ năng sơ cấp cứu khi xảy ra sự cố ngộ độc hóa chất.

Ngoài ra, nơi ở, khu vệ sinh và nguồn nước sinh hoạt dành cho người lao động tại nông trại phải bảo đảm điều kiện vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường sống xung quanh.

Siết chặt quản lý nhóm sản xuất, kiểm soát khối lượng và truy xuất nguồn gốc

Một điểm đáng chú ý khác của VietGAP 2026 là yêu cầu tổ chức sản xuất và kiểm soát nội bộ chặt chẽ hơn. Đối với nhóm nhà sản xuất, cần có người đại diện và hệ thống kiểm soát nội bộ (ICS) để giám sát việc áp dụng tiêu chuẩn giữa các thành viên.

Tiêu chuẩn cũng tăng cường yêu cầu về cân bằng khối lượng sản phẩm. Theo đó, lượng nguyên liệu đầu vào, sản phẩm thu hoạch, hàng hóa bán ra và lượng tồn kho cần được đối chiếu định kỳ. Sản phẩm được chứng nhận phù hợp VietGAP và sản phẩm không thuộc phạm vi chứng nhận phải được nhận diện, phân tách rõ ràng. Cách quản lý này góp phần hạn chế tình trạng trộn lẫn sản phẩm hoặc sử dụng thông tin chứng nhận VietGAP cho những lô hàng không thuộc phạm vi được chứng nhận.

Khi phát sinh vấn đề về chất lượng, dữ liệu sản xuất sẽ hỗ trợ xác định nhanh vùng trồng, thời điểm thu hoạch và lô hàng có liên quan. Đây cũng là hướng tiếp cận phù hợp với xu thế số hóa hoạt động truy xuất nguồn gốc.

Tháng 7/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ cho biết việc ứng dụng nền tảng số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động chứng nhận, truy xuất nguồn gốc đang được thúc đẩy nhằm nâng cao giá trị nông sản và đáp ứng yêu cầu của thị trường. Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản Việt Nam cũng đang hướng tới việc ghi nhận dữ liệu xuyên suốt, từ nông hộ, vùng trồng, thời gian sản xuất, thu hoạch đến tem điện tử và mã QR trên sản phẩm.

Có thể thấy, TCVN 11892-1:2026 không chỉ là sự cập nhật các yêu cầu kỹ thuật mà còn thể hiện bước chuyển theo hướng hiện đại, minh bạch và bền vững hơn của hệ thống VietGAP, góp phần chuẩn hóa các quy định trong sản xuất nông nghiệp. Việc hài hòa với các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế sẽ góp phần nâng cao uy tín nông sản Việt Nam, củng cố niềm tin của người tiêu dùng và mở rộng cơ hội tiếp cận những thị trường xuất khẩu có yêu cầu cao về chất lượng, an toàn thực phẩm.

DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ, CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN VIETGAP TCVN 11892-1:2026 TẠI TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG TỈNH LÂM ĐỒNG

Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và chủ trang trại chủ động thích ứng với những thay đổi của Tiêu chuẩn VietGAP TCVN 11892-1:2026, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng cung cấp dịch vụ đánh giá, chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn trên phạm vi toàn quốc, với quy trình độc lập và chuyên nghiệp.

Với phương châm chính xác, minh bạch và tận tâm, Trung tâm hướng đến việc mang lại giá trị thiết thực cho khách hàng. Đội ngũ chuyên gia thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật và yêu cầu kỹ thuật liên quan, hỗ trợ tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu nông sản trên thị trường.

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tư vấn hoặc sử dụng dịch vụ có thể liên hệ qua hotline 0908.700.379 hoặc 0977.856.631 để được hỗ trợ kịp thời.

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DU LỊCH XÂY DỰNG SẢN PHẨM GẮN VỚI BẢN SẮC ĐỊA PHƯƠNG

PHÒNG QUẢN LÝ DU LỊCH
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lâm Đồng



Doanh nghiệp Ấn Độ khảo sát, kết nối du lịch tại Bàu Trắng

Lâm Đồng được hình thành trên cơ sở hợp nhất ba địa phương Lâm Đồng cũ, Bình Thuận và Đắk Nông, mở ra không gian phát triển du lịch đặc biệt với sự kết nối giữa cao nguyên - rừng - biển. Với diện tích tự nhiên hơn 24.000 km², dân số gần 3,9 triệu người, 124 đơn vị hành chính cấp xã, phường, đặc khu và 49/54 dân tộc cùng sinh sống, tỉnh sở hữu nguồn tài nguyên tự nhiên, văn hóa và nhân văn phong phú, đa dạng. Không gian mới của tỉnh hội tụ nhiều lợi thế nổi trội như cao nguyên Đà Lạt, hệ thống rừng đặc dụng, hồ, thác, cảnh quan địa chất, vùng sản xuất nông nghiệp đặc trưng, 192 km bờ biển và 141 km đường biên giới; đồng thời lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn.

Đây là điều kiện thuận lợi để Lâm Đồng phát triển đa dạng sản phẩm du lịch như nghỉ dưỡng, sinh thái, biển, thể thao, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp, cộng đồng, văn hóa, lễ hội và du lịch địa chất. Đặc biệt, không gian liên kết cao nguyên - rừng - biển tạo cơ hội để doanh nghiệp xây dựng những hành trình khác biệt, kết nối nhiều vùng tài nguyên trong cùng một chuyến đi.

Theo định hướng của Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm mang đặc trưng địa phương, phát triển sản phẩm mới dựa trên bản sắc văn hóa và thế mạnh sinh thái là nhiệm vụ quan trọng. Trong đó, khu vực tư nhân giữ vai trò chủ lực trong đầu tư cơ sở vật chất, phát triển sản phẩm,

xúc tiến, quảng bá và xây dựng thương hiệu du lịch.

Lâm Đồng hướng đến mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Vì vậy, cần đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực đầu tư và phát huy vai trò chủ thể của doanh nghiệp trong sáng tạo, tổ chức và thương mại hóa sản phẩm. Cơ quan quản lý nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường thuận lợi, định hướng, cung cấp thông tin, kết nối nguồn lực và đồng hành cùng doanh nghiệp. Qua đó, từng bước hình thành những sản phẩm du lịch có bản sắc, chất lượng và sức cạnh tranh cao.

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH TẠI LÂM ĐỒNG

Thời gian qua, hoạt động du lịch của tỉnh có bước phát triển tích cực. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư các khu du lịch quy mô lớn, cơ sở lưu trú cao cấp, dịch vụ hiện đại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế du lịch Lâm Đồng. Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh ước đón 78,7 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế khoảng 3,2 triệu lượt.

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch tiếp tục được đầu tư, với khoảng 4.305 cơ sở lưu trú, tổng số 68.279 phòng; 126 đơn vị kinh doanh lữ hành, gồm 56 đơn vị lữ hành quốc tế và 70 đơn vị lữ hành nội địa; 1.185 hướng dẫn viên du lịch còn hoạt động. Toàn tỉnh có 99 khu, điểm du lịch, điểm tham quan, trong đó 30 khu, điểm đã được công nhận, gồm 2 khu du lịch quốc gia, 4 khu du lịch cấp tỉnh và 24 điểm du lịch. Bên cạnh đó, có 38 cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt chuẩn phục vụ khách du lịch.

Lũy kế toàn tỉnh có 436 dự án đầu tư kinh doanh du lịch, trong đó 260 dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động. Nhiều doanh nghiệp đầu tư vào du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, canh nông, vui chơi giải trí và các sản phẩm trải nghiệm, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ.

Tuy nhiên, phát triển sản phẩm du lịch gắn với bản sắc địa phương vẫn còn những hạn chế. Một số sản phẩm còn trùng lặp, khai thác tài nguyên đơn lẻ, thiếu tính khác biệt và khả năng nhận diện thương hiệu. Liên kết giữa doanh nghiệp với cộng đồng, làng nghề, nghệ nhân, cơ sở sản xuất và các ngành kinh tế khác chưa chặt chẽ. Một số doanh nghiệp nhỏ và vừa còn hạn chế về vốn, nghiên cứu thị trường, xây dựng thương hiệu, thiết kế sản phẩm và ứng dụng công nghệ số.

Bên cạnh đó, hạ tầng kết nối giữa các khu vực đang tiếp tục được hoàn thiện; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; hoạt động xúc tiến, quảng bá sản phẩm mới ra thị trường quốc tế chưa tương xứng với tiềm năng. Sản phẩm có khả năng kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng mức chi tiêu của du khách còn chưa nhiều.

GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH ĐẶC TRƯNG

Để khắc phục những hạn chế trên, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tập trung nghiên cứu, triển khai các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng sản phẩm du lịch mang bản sắc Lâm Đồng.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện và khai thác giá trị đặc trưng của từng không gian du lịch

Tăng cường cung cấp thông tin về tài nguyên tự nhiên, văn hóa, lịch sử, làng nghề, sản vật, ẩm thực, lễ hội và phong tục tập quán để doanh nghiệp có cơ sở nghiên cứu, lựa chọn và xây dựng sản phẩm phù hợp. Chú trọng phát huy các giá trị nổi bật như Đà Lạt - thành phố ngàn hoa và nghỉ dưỡng; văn hóa các dân tộc bản địa Tây Nguyên;

Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông; văn hóa cà phê, trà, du lịch canh nông; hệ thống hồ, thác, rừng nguyên sinh; du lịch biển và thể thao biển gắn với Khu du lịch quốc gia Mũi Né. Qua đó, khuyến khích doanh nghiệp phát triển sản phẩm có giá trị riêng, tạo sự khác biệt và tăng sức hấp dẫn đối với du khách.

Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, thiết kế sản phẩm theo chuỗi giá trị và nhu cầu thị trường

Cung cấp thông tin, khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu thị trường, xác định nhóm khách hàng mục tiêu để thiết kế sản phẩm phù hợp về thời gian, mức chi tiêu, sở thích và nhu cầu trải nghiệm. Chú trọng những thị trường có tiềm năng như Nga, Đông Á, Trung Đông, đặc biệt là khách du lịch Halal.

Đồng thời, định hướng phát triển các sản phẩm chuyên đề như nghỉ dưỡng cao cấp, sinh thái - khám phá rừng, du lịch biển và thể thao biển, chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp - canh nông, văn hóa cộng đồng, địa chất, MICE, thể thao, ẩm thực, trải nghiệm văn hóa và du lịch đêm.

Đặc biệt, khuyến khích xây dựng sản phẩm liên vùng theo không gian cao nguyên - rừng - biển, tạo thành những hành trình đặc trưng của Lâm Đồng và phù hợp với định hướng hiện nay của tỉnh về phát triển các gói sản phẩm tích hợp "núi - rừng - biển", kết nối Phan Thiết - Đà Lạt - Tà Đùng.

Hỗ trợ doanh nghiệp gắn sản phẩm du lịch với văn hóa và giá trị độc đáo của cộng đồng dân tộc thiểu số

Xác định cộng đồng dân tộc thiểu số tại địa phương là một trong những chủ thể quan trọng tạo nên bản sắc của sản phẩm du lịch. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ tiếp tục phối hợp với các địa phương hỗ trợ doanh nghiệp kết nối với cộng đồng dân cư, nghệ nhân, hợp tác xã, hộ sản xuất, làng nghề và các chủ thể văn hóa để hình thành những sản phẩm trải nghiệm có sự tham gia trực tiếp của người dân.

Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng các sản phẩm như trải nghiệm đời sống cộng đồng; trình diễn nghề truyền thống, văn hóa, văn nghệ; giới thiệu nghề và làng nghề tại địa phương như nghề gốm, làm rượu cần, đan lát; chế biến và thưởng thức ẩm thực địa phương; trải nghiệm sản xuất nông nghiệp; tìm hiểu, trải nghiệm văn hóa cồng chiêng và các lễ hội truyền thống.

Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số trong phát triển sản phẩm du lịch

Vận động, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quá trình xây dựng và kinh doanh sản phẩm, từ nghiên cứu thị trường, thiết kế chương trình, quảng bá, bán sản phẩm đến chăm sóc khách hàng.

Tăng cường ứng dụng mã QR, bản đồ số, thuyết minh tự động, công nghệ thực tế ảo (VR/AR), trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số nhằm tạo ra những trải nghiệm mới cho du khách.

Đối với các giá trị văn hóa, lịch sử và cảnh quan khó tiếp cận, khuyến khích doanh nghiệp số hóa tư liệu, xây dựng câu chuyện điểm đến và tái hiện bằng công nghệ, giúp du khách hiểu sâu hơn về lịch sử, văn hóa và con người Lâm Đồng.

Hỗ trợ doanh nghiệp liên kết hình thành chuỗi sản phẩm và chuỗi cung ứng du lịch

Tạo điều kiện và tổ chức các chương trình, diễn đàn kết nối doanh nghiệp lữ hành với cơ sở lưu trú, khu, điểm du lịch, cơ sở sản xuất

nông nghiệp, cơ sở nghề và làng nghề, nhà hàng, cơ sở mua sắm cùng các đơn vị cung cấp dịch vụ bổ trợ, qua đó hình thành chuỗi sản phẩm du lịch hoàn chỉnh.

Phối hợp tuyên truyền, kết nối nhằm đẩy mạnh liên kết giữa du lịch với nông nghiệp công nghệ cao, văn hóa, thể thao, thương mại, công nghiệp văn hóa và dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Qua đó, gia tăng giá trị của từng sản phẩm, đồng thời nâng cao khả năng tham gia và hưởng lợi của nhiều ngành, nhiều chủ thể trong chuỗi.

Bên cạnh đó, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan để kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp liên kết với các địa phương trong khu vực và trên cả nước, hình thành các chương trình tham quan du lịch độc đáo, có sức cạnh tranh cao.

Định hướng doanh nghiệp phát triển sản phẩm du lịch xanh, bền vững

Định hướng doanh nghiệp phát triển sản phẩm trên nguyên tắc bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương. Khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp kinh doanh du lịch phát triển mô hình du lịch xanh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, giảm phát thải carbon, hạn chế rác thải nhựa, tăng cường tái chế, ưu tiên sử dụng sản phẩm địa phương, bảo vệ rừng, nguồn nước và cảnh quan; từng bước áp dụng các tiêu chuẩn du lịch bền vững và mô hình kinh tế tuần hoàn. Qua đó, góp phần xây dựng thương hiệu *"Lâm Đồng - Điểm đến du lịch xanh"*.

Đối với các sản phẩm du lịch sinh thái, cộng đồng, nông nghiệp và nghỉ dưỡng, yêu cầu bảo tồn tài nguyên và văn hóa địa phương cần được đặt lên hàng đầu ngay từ khâu hình thành ý tưởng và thiết kế sản phẩm. Đây là nền tảng để phát triển du lịch hài hòa với thiên nhiên, đồng thời nâng cao giá trị và bản sắc của điểm đến.

Xây dựng và sớm triển khai Đề án kinh tế đêm nhằm định hướng và tạo ra các sản phẩm du lịch, dịch vụ mới góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch nhằm tăng lượng khách đến với tỉnh Lâm Đồng

Khuyến khích doanh nghiệp khai thác hiệu quả khoảng thời gian sau 21 giờ thông qua các sản phẩm như phố đi bộ, chợ đêm, ẩm thực, biểu diễn nghệ thuật, trải nghiệm văn hóa, mua sắm, vui chơi giải trí, trình diễn ánh sáng, lễ hội và các hoạt động sáng tạo. Đặc biệt, cần xây dựng những sản phẩm du lịch ban đêm mang đặc trưng riêng của từng khu vực biển, hoa và đại ngàn, phù hợp với điều kiện thực tế, tiềm năng, bản sắc văn hóa và phong tục tập quán của từng địa phương.

Việc xây dựng và triển khai Đề án phát triển kinh tế đêm không chỉ nhằm tạo thêm dịch vụ mà còn hướng đến kéo dài thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu và tạo thêm lý do để du khách quay trở lại Lâm Đồng. Định hướng này cũng phù hợp với Quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia, trong đó Đà Lạt được xác định là một trong những trung tâm du lịch ưu tiên phát triển sản phẩm, dịch vụ gắn với kinh tế ban đêm.

Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao năng lực xây dựng sản phẩm cho doanh nghiệp

Xây dựng và triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn tới, trong đó tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng về quản trị sản phẩm du lịch, nghiên cứu thị trường, thiết kế trải nghiệm, xây dựng thương hiệu, marketing số, ngoại ngữ, kỹ năng phục vụ khách quốc tế và ứng dụng công nghệ.

Đặc biệt, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho lực lượng trực tiếp tham gia phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và các sản phẩm gắn với văn hóa địa phương. Qua đó, giúp người dân, nghệ nhân và các hộ kinh doanh hiểu cách chuyển hóa những giá trị văn hóa, sản vật và đời sống địa phương thành sản phẩm du lịch có giá trị; đồng thời, vẫn bảo đảm gìn giữ văn hóa và phong tục tập quán truyền thống của địa phương.

Tăng cường xúc tiến, quảng bá và thương mại hóa sản phẩm du lịch của doanh nghiệp, thu hút doanh nghiệp và nhà đầu tư chiến lược tạo ra các sản phẩm dẫn dắt

Đẩy mạnh quảng bá các sản phẩm du lịch đặc trưng của Lâm Đồng trên nền tảng số, mạng xã hội và các hệ thống truyền thông du lịch; từng bước hình thành bộ nhận diện và câu chuyện chung cho các nhóm sản phẩm tiêu biểu của tỉnh.

Phối hợp, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến du lịch trong nước và quốc tế; tổ chức các chương trình khảo sát, kết nối doanh nghiệp; đón các đoàn doanh nghiệp lữ hành, báo chí, người sáng tạo nội dung và đại diện các thị trường mục tiêu đến khảo sát, trải nghiệm sản phẩm du lịch trên địa bàn.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, mời gọi các tập đoàn, doanh nghiệp có năng lực đầu tư vào những dự án du lịch quy mô lớn, có tính dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa. Tập trung thu hút đầu tư vào các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; khu vui chơi giải trí tổng hợp; trung tâm hội nghị, hội thảo quốc tế; trung tâm du lịch chăm sóc sức khỏe; các mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí gắn với rừng; du lịch thể thao biển và các tổ hợp du lịch kết hợp văn hóa, thiên nhiên.



Đoàn Ấn Độ khảo sát kết nối sản phẩm du lịch

Trong đó, ưu tiên thu hút doanh nghiệp lớn đầu tư vào các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; khu vui chơi giải trí tổng hợp; trung tâm hội nghị, hội thảo quốc tế; trung tâm du lịch chăm sóc sức khỏe; du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí gắn với rừng, đặc biệt tại các Vườn Quốc gia Tà Đùng, Bidoup - Núi Bà, Khu Bảo tồn thiên nhiên Nâm Nung... góp phần hình thành các "cực tăng trưởng du lịch" mới như Mũi Né, Tà Đùng... nhằm phát huy tiềm năng của các khu vực có khả năng trở thành những cực tăng trưởng du lịch mới như Mũi Né, Đà Lạt, Tà Đùng và các khu vực có tài nguyên đặc sắc khác; tạo điều kiện để doanh nghiệp lớn dẫn dắt hình thành hệ sinh thái dịch vụ, đồng thời mở rộng cơ hội để doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và cộng đồng địa phương tham gia chuỗi giá trị du lịch.■

TIN CẢNH BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

JORDAN

Sản phẩm điều chỉnh: đồ uống và nước ép - đồ uống có hương liệu và các sản phẩm cô đặc.

Thông báo số: G/TBT/N/JOR/108, ngày 05 tháng 10 năm 2026.

Mô tả nội dung: tiêu chuẩn Jordan này quy định các yêu cầu đối với đồ uống có hương liệu và các sản phẩm cô đặc dùng để tiêu thụ trực tiếp.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: ngăn chặn các hành vi gây hiểu lầm và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người; hài hòa hóa; giảm thiểu các rào cản thương mại và tạo thuận lợi cho thương mại.

Ngày dự kiến thông qua: 01/12/2026.

Ngày dự kiến có hiệu lực: được xác định.

Ngày cuối cùng để nhận ý kiến: 04/12/2026.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Tổ chức Tiêu chuẩn và Đo lường Jordan (JSMO).

Điện thoại: + 962 6 5301225

Fax: + 962 6 5301249

Email: jsmo@jsmo.gov.jo

Website: http://www.jsmo.gov.jo/



TIN CẢNH BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



EL SALVADOR

Sản phẩm điều chỉnh: cà phê hạt rang và cà phê rang xay.

Thông báo số: G/TBT/N/SLV/245, ngày 07 tháng 10 năm 2026.

Mô tả nội dung: quy chuẩn kỹ thuật của El Salvador được thông báo thiết lập các yêu cầu về an toàn, chất lượng và ghi nhãn đối với cà phê hạt rang và cà phê bột rang đóng gói sẵn, cùng các yêu cầu về giấy phép cơ sở và đăng ký y tế.

Quy chuẩn này áp dụng cho tất cả các cá nhân và pháp nhân tham gia vào hoạt động sản xuất, chế biến cà phê hạt rang và cà phê bột rang dùng cho con người, bất kể là sản xuất trong nước hay nhập khẩu và dùng để tiêu thụ trong nước hay xuất khẩu. Quy chuẩn kỹ thuật này cũng áp dụng đối với cà phê hạt rang và cà phê bột rang có bổ sung hương liệu.

Quy chuẩn không áp dụng cho các sản phẩm thay thế cà phê, đồ uống làm từ cà phê, các hỗn hợp đồ uống nóng hoặc lạnh làm từ cà phê và các loại bột pha đồ uống nóng hoặc lạnh có thành phần từ cà phê.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: ngăn chặn các hành vi gây hiểu lầm và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người.

Ngày dự kiến thông qua: đang được xác định.

Ngày dự kiến có hiệu lực: sẽ được xác định sau.

Ngày cuối cùng để nhận ý kiến: 06/12/2026.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cơ quan quản lý Kỹ thuật Salvador.

Địa chỉ: Đại lộ San Bartolo y Calle Lempa, costado Norte del INCAF, Edificio CNC, Distrito de Ilopango, Municipio de San Salvador Este, El Salvador

Điện thoại: (+503) 2590 5335; (+503) 2590 5338

Email: Consultasreglamento@osartec.gob.sv

Website: https://osartec.gob.sv/

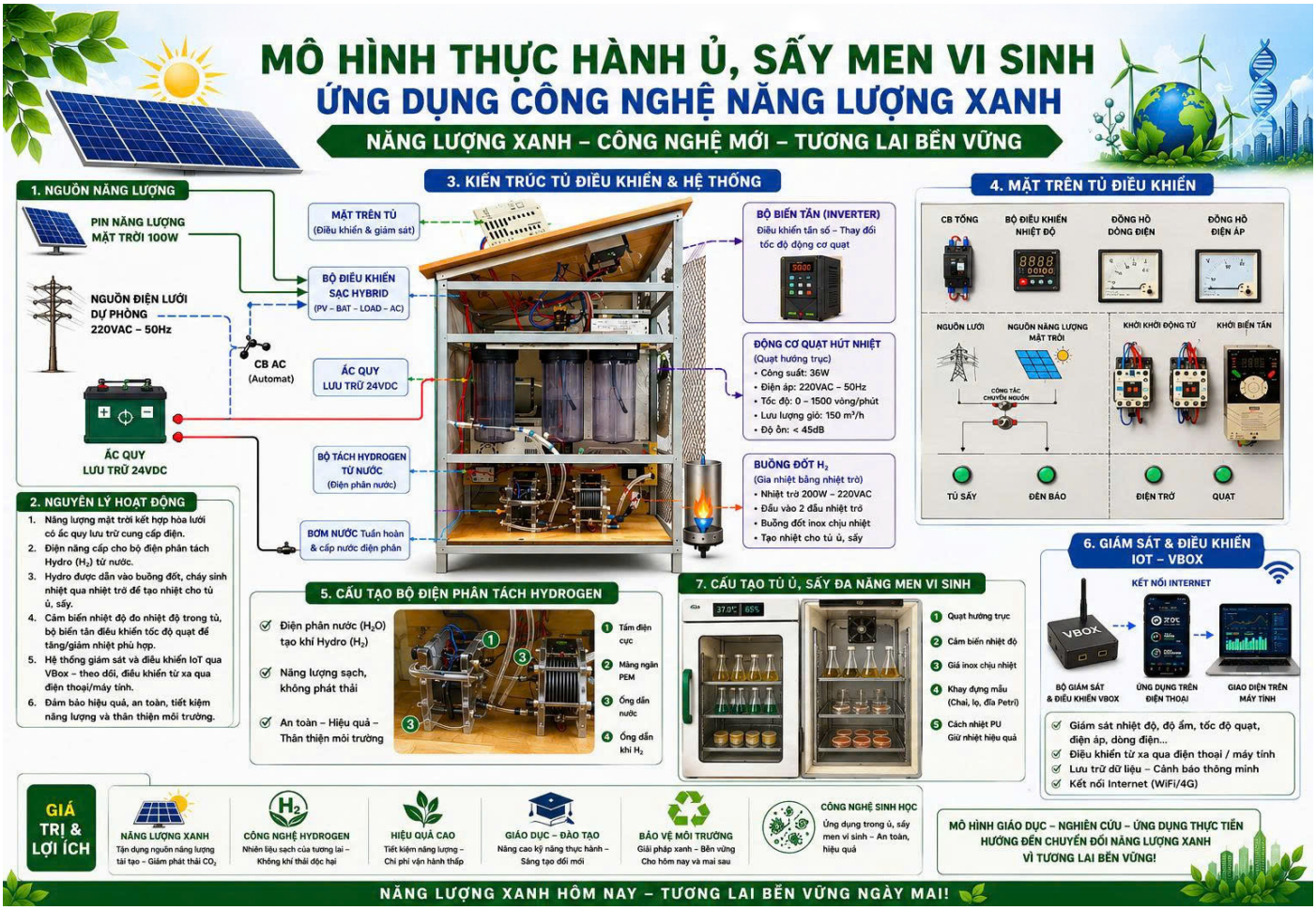
THIẾT BỊ Ủ, SẤY MEN VI SINH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG XANH

Kết hợp công nghệ điện phân nước, quản lý năng lượng thông minh và công nghệ sinh học, thiết bị ủ, sấy men vi sinh do nhóm nghiên cứu Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ chế tạo mở ra hướng ứng dụng năng lượng xanh trong đào tạo, nghiên cứu và sản xuất. Với thiết kế linh hoạt, khả năng giám sát, điều khiển từ xa và ứng dụng liên ngành, sản phẩm được bình chọn là sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tiêu biểu thành phố Cần Thơ năm 2026 - CASIC AWARDS 2026.

Điểm nổi bật của thiết bị là sử dụng khí HHO được tạo ra từ quá trình điện phân nước làm nguồn nhiệt, kết hợp hệ thống quản lý năng lượng thông minh và công nghệ IoT trong giám sát, vận hành. Giải pháp hướng đến khai thác hiệu quả nguồn năng lượng tái tạo, đồng thời nâng cao khả năng kiểm soát quá trình ủ và sấy men vi sinh.

Thiết bị gồm ba bộ phận chính: hệ thống tạo khí HHO; hệ thống quản lý, giám sát năng lượng thông minh; hệ thống ủ, sấy men vi sinh.

Cụm máy tách khí HHO gồm hai bộ phận



hoạt động độc lập, có công suất 24 VDC - 0,5 kW, cho phép điều chỉnh công suất và lưu lượng nhiệt theo yêu cầu vận hành, tạo sự linh hoạt trong quá trình sử dụng.

Đối với hệ thống quản lý năng lượng, thiết bị tích hợp bảng điện điều khiển và công nghệ giám sát thông qua kỹ thuật hòa lưới bám tải. Nguồn điện từ các tấm pin năng lượng mặt trời được ưu tiên sử dụng, kết hợp tận dụng phần điện dư hiện có của đơn vị và hệ thống pin lưu trữ. Đặc biệt, công nghệ Internet vạn vật (IoT) được tích hợp thông qua bộ thiết bị V-NET, cho phép theo dõi, ghi nhận dữ liệu hoạt động và giám sát hệ thống từ xa. Nhờ đó, người vận hành có thể cập nhật thông tin, phân tích dữ liệu và đưa ra quyết định phù hợp trong quá trình sử dụng.

Hệ thống ủ, sấy men vi sinh được thiết kế với hai phương án cung cấp nhiệt. Phương án thứ nhất sử dụng nhiệt trở, lấy điện từ lưới điện và ưu tiên nguồn điện mặt trời. Phương án thứ hai sử dụng nhiệt lượng từ quá trình đốt cháy hỗn hợp khí HHO, dẫn khí nóng vào tủ sấy kín có khả năng tuần hoàn nhiệt.

Để bảo đảm chất lượng men vi sinh, thiết bị bố trí các cảm biến nhiệt độ tại những vị trí phù hợp nhằm thu thập dữ liệu, phục vụ giám sát và điều khiển. Theo thiết kế, nhiệt độ sấy thông thường được duy trì ở mức khoảng 45°C. Bộ điều khiển PID được tích hợp để ổn định nhiệt độ, hạn chế tình trạng quá nhiệt hoặc phân bố nhiệt không đồng đều, góp phần duy trì điều kiện phù hợp cho quá trình ủ và sấy men vi sinh.

Sự kết hợp giữa công nghệ điện phân nước, năng lượng mặt trời, pin lưu trữ, IoT và bộ điều khiển PID tạo nên thiết bị có tính tích hợp và khả năng ứng dụng liên ngành. Sản phẩm có thể lựa chọn nguồn nhiệt từ điện trở hoặc khí HHO, giúp đa dạng hóa phương án cung cấp nhiệt trong quá trình vận hành. Hệ thống quản lý năng lượng ưu tiên sử dụng điện mặt trời kết hợp pin lưu trữ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

Bên cạnh đó, cảm biến nhiệt độ và bộ điều khiển PID hỗ trợ duy trì mức nhiệt phù hợp; công nghệ IoT và thiết bị V-NET giúp ghi nhận, theo dõi dữ liệu, hỗ trợ quản lý quá trình vận hành từ xa.

Không chỉ phục vụ thực hành, đào tạo và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực điện, năng lượng, công nghệ sinh học và công nghệ thực phẩm, thiết bị còn tạo cơ sở thực tiễn để nghiên cứu khả năng ứng dụng năng lượng xanh trong sản xuất men vi sinh và mở rộng sang những lĩnh vực có nhu cầu gia nhiệt tương tự.

Với thiết kế linh hoạt, khả năng tích hợp nhiều công nghệ và phương thức quản lý thông minh, thiết bị ủ, sấy men vi sinh ứng dụng công nghệ năng lượng xanh là một hướng nghiên cứu có ý nghĩa trong việc kết hợp công nghệ sinh học với giải pháp năng lượng sạch. Sản phẩm góp phần đa dạng hóa phương án cung cấp nhiệt, nâng cao hiệu quả quản lý và mở ra tiềm năng ứng dụng công nghệ năng lượng xanh trong đào tạo, nghiên cứu và sản xuất.

Thông tin chi tiết xin liên hệ:
TS. Đoàn Thị Kiều Tiên.
Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.
256 Nguyễn Văn Cừ, phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ;
Email: phonghanhchinh@ctuet.edu.vn;
Điện thoại: 02923 894 050

TRÀ, MỨT ĐÔNG VÀ MẬT CASCARA
GIẢI PHÁP GIA TĂNG GIÁ TRỊ TỪ VỎ VÀ THỊT QUẢ CÀ PHÊ



Sản phẩm từ vỏ và thịt quả cà phê

Từ vỏ và thịt quả cà phê sau sơ chế, nhóm nghiên cứu của khoa Kỹ thuật Hóa học, Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh đã phát triển ba sản phẩm thực phẩm gồm trà cascara, mứt đông cascara và mật cascara. Điểm nổi bật của quy trình là ứng dụng công nghệ lên men kết hợp xử lý enzyme nhằm hỗ trợ trích ly, ổn định các hợp chất có giá trị như polyphenol, catechin, mở ra hướng khai thác phụ phẩm cà phê thành các sản phẩm thực phẩm có giá trị gia tăng.

NGUỒN NGUYÊN LIỆU VÀ ĐẶC TÍNH CASCARA

Cascara là phần vỏ và thịt quả cà phê được tách ra trong quá trình sơ chế. Thành phần hóa học phụ thuộc vào giống cà phê và vùng nguyên liệu. Trong đó, Arabica và Robusta có sự khác biệt về hàm lượng protein, xơ thô, polyphenol, tannin, pectin, caffeine và anthocyanin, ảnh hưởng đến hương vị, màu sắc, cấu trúc và định hướng chế biến.

Theo kết quả nghiên cứu, cascara Robusta có hàm lượng protein, xơ thô và polyphenol cao hơn Arabica. Hàm lượng polyphenol tổng số ở Robusta đạt 80,00 mg GAE/100 g, trong khi Arabica đạt 21,99 mg GAE/100 g. Robusta cũng có khả năng kháng oxy hóa tốt hơn, còn Arabica có hàm lượng chất rắn hòa tan cao hơn. Đây là cơ sở để lựa chọn nguyên liệu và phát triển sản phẩm phù hợp.

Hiện nay, cà phê được chế biến chủ yếu theo ba phương pháp: chế biến khô, chế biến ướt và chế biến mật ong. Mỗi phương pháp tạo ra nguồn cascara có đặc tính khác nhau. Với chế biến khô, nếu không kiểm soát tốt nhiệt độ,

ánh sáng và thời gian phơi, chất lượng nguyên liệu có thể bị ảnh hưởng. Trong khi đó, chế biến ướt và chế biến mật ong cho phép thu nhận vỏ, thịt quả sớm hơn, hạn chế thời gian tiếp xúc với các yếu tố môi trường.

Vì vậy, nhóm nghiên cứu lựa chọn cascara từ cà phê chế biến ướt làm nguyên liệu. Sau khi quả chín được rửa sạch và xay xát, phần vỏ, thịt quả và một phần lớp nhớt được thu nhận, kiểm soát vệ sinh và chất lượng trước khi đưa vào chế biến.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT BA SẢN PHẨM

Quy trình được thiết kế theo hướng sử dụng chung một nguồn dịch cascara, sau đó chia thành các công đoạn riêng để tạo ra ba dòng sản phẩm khác nhau.

Trước tiên, nguyên liệu được nghiền, ủ với dung dịch enzyme và lọc để thu dịch cascara. Từ nguồn dịch này, nhóm nghiên cứu phát triển ba quy trình sản xuất:

- Trà cascara: dịch cascara được phối trộn với đường và phụ gia phù hợp, sau đó rót chai, thanh trùng và dán nhãn để hoàn thiện sản phẩm.
- Mật cascara: dịch cascara được cô đặc, phối trộn, rót chai, thanh trùng và dán nhãn.
- Mứt đông cascara: dịch cascara được cô đặc, phối trộn, rót vào lọ thủy tinh, thanh trùng, tạo đông và dán nhãn.

Kiểm soát chất lượng là yêu cầu quan trọng trong toàn bộ quy trình. Cascara dù có nguồn gốc từ phụ phẩm vẫn phải được quản lý như nguyên liệu thực phẩm, bảo đảm thu nhận riêng biệt, tránh tạp chất, kiểm soát thời gian lưu trữ, truy xuất nguồn gốc và không tiếp xúc trực tiếp với nền đất.

Đối với sản phẩm đầu ra, cần kiểm soát các chỉ tiêu cảm quan, hóa lý, vi sinh, chất nhiễm bẩn, phụ gia thực phẩm, bao bì và ghi nhãn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng, gồm TCVN, QCVN và tiêu chuẩn cơ sở.

KHẢ NĂNG CHUYỂN GIAO VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Để đưa công nghệ vào sản xuất thực tế, nhóm nghiên cứu đề xuất quy trình chuyển giao gồm năm bước: khảo sát nguyên liệu và hiện trạng sản xuất; xác lập yêu cầu sản phẩm; thử nghiệm, lựa chọn thiết bị; hoàn thiện hồ sơ chất lượng; đào tạo, hướng dẫn vận hành và hỗ trợ sau chuyển giao.

Chuyển giao công nghệ không chỉ dừng ở bàn giao quy trình mà cần có sự phối hợp lâu dài giữa đơn vị nghiên cứu và doanh nghiệp. Bốn yếu tố cần bảo đảm gồm nguồn nguyên liệu, quy trình công nghệ, thiết bị phù hợp và sản phẩm có khả năng thương mại hóa. Đây là nền tảng giúp doanh nghiệp tổ chức sản xuất, kiểm soát chất lượng và phát triển thị trường.

Bên cạnh ba sản phẩm chính, nhóm nghiên cứu còn định hướng phát triển cookie, cracker bổ sung cascara và trà cascara lên men sấy khô. Đối với bã cà phê sau trích ly, nhóm cũng nghiên cứu khả năng sử dụng làm nguyên liệu sản xuất cookie, cracker hoặc đồ uống phối hợp với trà.

Thông tin chi tiết xin liên hệ:
PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Trà,
Khoa Kỹ thuật Hóa học, Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh.
268 Lý Thường Kiệt,
phường Diên Hồng, TP. HCM.
Website: https://che.hcmut.edu.vn/

MÃ SỐ, MÃ VẠCH VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC
CHÌA KHÓA NÂNG CAO GIÁ TRỊ VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA SẢN PHẨM

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và yêu cầu ngày càng cao của thị trường đối với tính minh bạch của sản phẩm, việc ứng dụng mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc không còn là lựa chọn mà đang trở thành yêu cầu tất yếu đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Đây được xem là công cụ quan trọng giúp nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng, bảo vệ người tiêu dùng và gia tăng giá trị thương hiệu của sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế.

MÃ SỐ, MÃ VẠCH - NỀN TẢNG CỦA QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI

Hiện nay, cùng với mã vạch truyền thống, nhiều công nghệ mới như mã QR, mã Data Matrix, công nghệ nhận dạng bằng tần số vô tuyến (RFID), công nghệ giao tiếp trường gần (NFC) đang được khuyến khích áp dụng trong quản lý sản phẩm, hàng hóa. Đặc biệt, việc kết hợp với trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và Internet vạn vật (IoT) cho phép doanh nghiệp thu thập, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trong toàn bộ chuỗi cung ứng một cách nhanh chóng và chính xác hơn.

Không chỉ hỗ trợ hoạt động quản lý kho, bán hàng và logistics, mã số, mã vạch còn giúp doanh nghiệp xây dựng hệ thống dữ liệu số về sản phẩm, phục vụ công tác quản lý chất lượng và đáp ứng yêu cầu của các thị trường xuất khẩu ngày càng khắt khe.



Data Matrix Code



QR Code

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC GIÚP MINH BẠCH CHUỖI CUNG ỨNG

Truy xuất nguồn gốc là quá trình theo dõi và ghi nhận toàn bộ thông tin liên quan đến sản phẩm từ nguyên liệu đầu vào, quá trình sản xuất, chế biến, vận chuyển cho đến khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

Theo quy định mới, đối với các sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, việc truy xuất nguồn gốc sẽ được thực hiện bắt buộc theo lộ trình do các bộ quản lý ngành, lĩnh vực công bố. Đối với các sản phẩm khác, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất được khuyến khích chủ động áp dụng nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bên tham gia trong chuỗi cung ứng, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về minh bạch thông tin và sự tham gia đầy đủ của các chủ thể liên quan.

NGƯỜI TIÊU DÙNG DỄ DÀNG KIỂM TRA THÔNG TIN SẢN PHẨM

Thông qua việc quét mã QR hoặc các loại mã truy xuất khác, người tiêu dùng có thể

nhanh chóng tra cứu các thông tin quan trọng của sản phẩm như: tên sản phẩm; hình ảnh sản phẩm; tên và địa chỉ đơn vị sản xuất, kinh doanh; xuất xứ hàng hóa; thương hiệu, nhãn hiệu; số lô sản xuất hoặc số sê-ri; hạn sử dụng; các tiêu chuẩn, chứng nhận chất lượng được áp dụng.

HƯỚNG TỚI KẾT NỐI VỚI CỔNG THÔNG TIN TRUY XUẤT NGUỒN GỐC QUỐC GIA

Một trong những điểm mới đáng chú ý là việc xây dựng và vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia nhằm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu hoàn toàn có thể đăng ký kết nối tự nguyện với hệ thống này để nâng cao tính minh bạch, tăng độ tin cậy của sản phẩm và thuận lợi hơn trong hoạt động thương mại, đặc biệt là xuất khẩu. Đối với các sản phẩm thuộc nhóm bắt buộc truy xuất nguồn gốc, việc kết nối và cập nhật dữ liệu lên hệ thống quốc gia sẽ là yêu cầu bắt buộc theo quy định.

HỘ CHIẾU SỐ SẢN PHẨM - XU HƯỚNG MỚI CỦA THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

Bên cạnh truy xuất nguồn gốc, khái niệm "hộ chiếu số sản phẩm" đang trở thành xu hướng mới trên thế giới và được Việt Nam khuyến khích triển khai trong thời gian tới.

Hộ chiếu số của sản phẩm là tập hợp dữ liệu điện tử chứa các thông tin về mã định danh sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ, tiêu chuẩn chất lượng, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, ngày sản xuất, hạn sử dụng và các thông tin liên quan khác trong suốt vòng đời của sản phẩm.

Việc áp dụng hộ chiếu số không chỉ hỗ trợ quản lý chất lượng hiệu quả hơn mà còn tạo điều kiện để sản phẩm đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế về phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải carbon.

DOANH NGHIỆP CẦN CHỦ ĐỘNG THAM GIA HỆ SINH THÁI TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Theo quy định hiện hành, các tổ chức, cá nhân sử dụng mã số, mã vạch có trách nhiệm đăng ký, cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin sản phẩm trước khi đưa hàng hóa ra thị trường; đồng thời bảo đảm tính chính xác, trung thực của dữ liệu đã công bố.

Đối với doanh nghiệp phân phối và kinh doanh, việc kiểm tra tính hợp pháp của mã số, mã vạch trước khi đưa sản phẩm vào lưu thông cũng là trách nhiệm bắt buộc nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bảo đảm môi trường kinh doanh lành mạnh.

CƠ HỘI CHO NÔNG SẢN VÀ SẢN PHẨM ĐẶC TRƯNG CỦA LÂM ĐỒNG

Đối với tỉnh Lâm Đồng, việc đẩy mạnh ứng dụng mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các ngành hàng chủ lực như rau, hoa, cà phê, chè, sầu riêng, mắc ca, dược liệu, sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc sản địa phương.

Không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc còn góp phần xây dựng thương hiệu, gia tăng niềm tin của người tiêu dùng và mở rộng cơ hội tiếp cận các thị trường xuất khẩu có yêu cầu cao về minh bạch thông tin sản phẩm. Đây cũng là một trong những nền tảng quan trọng để phát triển nông nghiệp thông minh, kinh tế số và kinh tế xanh trong giai đoạn tới.

QUY ĐỊNH VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA



Ngày 29/9/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 372/2026/NĐ-CP quy định về hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa.

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THEO MỨC ĐỘ RỦI RO

Theo Nghị định, hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc được thực hiện theo lô, mẻ sản xuất, kinh doanh hoặc đến từng đơn vị sản phẩm, hàng hóa, căn cứ vào mức độ rủi ro.

Đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao, việc định danh, xác thực dữ liệu và truy xuất nguồn gốc được thực hiện bắt buộc. Danh mục, lộ trình, phương thức thực hiện và yêu cầu dữ liệu chuyên ngành do bộ quản lý ngành, lĩnh vực xác định theo thẩm quyền, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với năng lực của doanh nghiệp và đặc thù từng ngành hàng.

Đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình và thấp, việc định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc được khuyến khích thực hiện tự nguyện. Riêng sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu, hoạt động này cũng được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân chủ động áp dụng nhằm đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, thị trường xuất khẩu và hoạt động thương mại quốc tế.

Nghị định cũng quy định một số trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh, gồm hàng hóa tạm nhập tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển hoặc nhập khẩu gửi kho ngoại quan để xuất khẩu sang nước thứ ba. Sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu có yêu cầu bảo mật về nguồn gốc, xuất xứ cũng không áp dụng quy định bắt buộc định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc tại Nghị định này.

ĐỊNH DANH SẢN PHẨM, HÀNG HÓA BẰNG MÃ UID

Một nội dung đáng chú ý của Nghị định là quy định sử dụng mã định danh sản phẩm, hàng hóa (mã UID) làm cơ sở cho hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc trên môi trường số.

Mã UID được xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia, gồm tiêu chuẩn của GS1 về mã số, mã vạch và GS1 Digital Link; chuẩn W3C về định danh phi tập trung; TCVN 13274:2020 về truy xuất nguồn gốc - hướng dẫn định dạng mã dùng trong truy vết.

Mã định danh được thể hiện dưới dạng mã 2 chiều theo chuẩn GS1 Digital Link, bảo đảm khả năng đọc, giải mã, xác thực và truy xuất trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Việc xây dựng mã cũng dựa trên mã nhận diện tổ chức, bảo đảm khả năng liên thông quốc tế và tương thích với chuẩn GS1 Digital Link.

Theo quy định, mã UID bắt buộc phải bao gồm mã nhận diện trường dữ liệu "01" theo tiêu chuẩn GS1 để thể hiện Mã số sản phẩm toàn cầu (GTIN), làm căn cứ định danh sản phẩm, hàng hóa. Đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao và yêu cầu định danh đến từng đơn vị, mã UID phải bổ sung mã nhận diện trường dữ liệu theo tiêu chuẩn GS1 để thể hiện mã định danh đơn nhất của từng lô hoặc từng đơn vị sản phẩm, hàng hóa trên phạm vi toàn cầu.

THỰC HIỆN TRUY XUẤT NGUỒN GỐC TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ

Hoạt động truy xuất nguồn gốc được thực hiện thông qua mã UID trên Nền tảng quốc gia về định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Việc truy xuất phải được ghi nhận thông qua khởi tạo các chứng chỉ số qua mã UID, nhằm bảo đảm tính toàn vẹn, khả năng xác minh và truy vết độc lập.

Các sự kiện trọng yếu trong quá trình sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, lưu thông và tiêu dùng được ghi nhận. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đối với các sự kiện trọng yếu trong chuỗi cung ứng có trách nhiệm khởi tạo chứng chỉ số tương ứng với từng công đoạn thông qua mã UID của sản phẩm, hàng hóa, trừ trường hợp dữ liệu xác nhận kết thúc công đoạn đã đồng bộ về Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Trường hợp chứng chỉ số được khởi tạo thông qua bên cung cấp dịch vụ, các bên phải có thỏa thuận xác định rõ chủ thể thực hiện, phạm vi thực hiện, trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu và trách nhiệm pháp lý theo quy định.

SỐ HÓA CÁC CHỨNG NHẬN, GIẤY TỜ GẮN VỚI SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Nghị định quy định các chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; giấy chứng nhận xuất xứ; chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn và các giấy tờ khác gắn với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro cao trong quá trình truy xuất nguồn gốc phải được số hóa, xác thực, kết nối và đồng bộ với Nền tảng quốc gia theo lộ trình, tiêu chuẩn dữ liệu và yêu cầu quản lý do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Đối với sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình và thấp, việc số hóa, xác thực, kết nối và đồng bộ các giấy tờ, chứng nhận được khuyến khích thực hiện để phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước chuyên ngành. Đáng chú ý, các chứng chỉ số về chứng nhận chất lượng, chứng nhận xuất xứ, chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn và giấy tờ khác gắn với sản phẩm, hàng hóa đã được khởi tạo trên Nền tảng quốc gia có giá trị sử dụng như bản chính.